

I. PHẠM VI KIẾN THỨC

1. LÝ THUYẾT

1.1. Đại số:

- Hệ hai phương trình bậc nhất hai ẩn.
- Giải hệ phương trình bằng phương pháp thế, cộng đại số, đặt ẩn phụ.
- Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình.
- Hàm số và đồ thị hàm số $y = ax^2$ ($a \neq 0$)

1.2. Hình học:

- Các loại góc với đường tròn.
- Liên hệ giữa cung và dây; quỹ tích cung chứa góc.
- Tứ giác nội tiếp đường tròn.

2. DẠNG BÀI

2.1. Câu hỏi tự luận:

- Giải hệ phương trình.
- Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình
- Vẽ đồ thị hàm số, tìm tọa độ giao điểm
- Hình học tổng hợp: chứng minh tứ giác nội tiếp, tam giác đồng dạng...

2.2. Câu hỏi trắc nghiệm:

II. CÂU HỎI THAM KHẢO

A. MỘT SỐ CÂU HỎI TRẮC NGHIỆM

ĐẠI SỐ

Câu 1. Phương trình nào sau đây là phương trình bậc nhất hai ẩn?

- A. $2x + 3y^2 = 0$ B. $xy - x = 1$ C. $x^3 + y = 5$ D. $2x - 3y = 4$.

Câu 2. Cặp số nào sau đây là một nghiệm của phương trình $x - 3y = 2$?

- A. (1; 1) B. (- 1; - 1) C. (1; 0) D. (2 ; 1).

Câu 3. Cặp số (1; -3) là nghiệm của phương trình nào sau đây ?

- A. $3x - 2y = 3$. B. $3x - y = 0$. C. $0x - 3y = 9$. D. $0x + 4y = 4$.

Câu 4. Phương trình $4x - 3y = -1$ nhận cặp số nào sau đây là một nghiệm ?

- A. (-1; 1). B. (-1; -1). C. (1; -1). D. (1; 1).

Câu 5. Tập nghiệm của phương trình $4x - 3y = -1$ được biểu diễn bằng đường thẳng

- A. $y = -4x - 1$ B. $y = \frac{4}{3}x + \frac{1}{3}$ C. $y = 4x + 1$ D. $y = \frac{4}{3}x - \frac{1}{3}$

Câu 6. Tập nghiệm của phương trình $2x + 0y = 5$ được biểu diễn bởi

- A. đường thẳng $y = 2x - 5$.
B. đường thẳng $y = \frac{5}{2}$.
C. đường thẳng $y = 5 - 2x$.
D. đường thẳng $x = \frac{5}{2}$.

Câu 7. Hệ phương trình nào sau đây không tương đương với hệ $\begin{cases} x + 2y = 3 \\ 3x - 2y = 1 \end{cases}$

- A. $\begin{cases} 3x + 6y = 9 \\ 3x - 2y = 1 \end{cases}$ B. $\begin{cases} x = 3 - 2y \\ 3x - 2y = 1 \end{cases}$ C. $\begin{cases} x + 2y = 3 \\ 4x = 2 \end{cases}$ D. $\begin{cases} 4x = 4 \\ 3x - 2y = 1 \end{cases}$

Câu 8. Hệ phương trình tương đương với hệ phương trình $\begin{cases} 2x-5y=5 \\ 2x+3y=5 \end{cases}$ là

- A. $\begin{cases} 2x-5y=5 \\ 4x+8y=10 \end{cases}$ B. $\begin{cases} 2x-5y=5 \\ 0x-2y=0 \end{cases}$ C. $\begin{cases} 2x-5y=5 \\ 4x-8y=10 \end{cases}$ D. $\begin{cases} \frac{2}{5}x-y=1 \\ \frac{2}{3}x+y=\frac{5}{3} \end{cases}$

Câu 9. Hệ phương trình nào sau đây vô nghiệm ?

- A. $\begin{cases} x-2y=5 \\ -\frac{1}{2}x+y=3 \end{cases}$ B. $\begin{cases} x-2y=5 \\ \frac{1}{2}x+y=3 \end{cases}$ C. $\begin{cases} x-2y=5 \\ -\frac{1}{2}x+y=-\frac{5}{2} \end{cases}$ D. $\begin{cases} x-2y=5 \\ -\frac{1}{2}x-y=3 \end{cases}$

Câu 10. Số nghiệm của hệ phương trình $\begin{cases} x+y=4 \\ x-y=0 \end{cases}$ là

- A. vô số nghiệm B. vô nghiệm C. nghiệm duy nhất D. có hai nghiệm

Câu 11. Cặp số nào sau đây là nghiệm của hệ $\begin{cases} x+2y=1 \\ y=-\frac{1}{2} \end{cases}$?

- A. $\left(0; -\frac{1}{2}\right)$. B. $\left(2; -\frac{1}{2}\right)$. C. $\left(0; \frac{1}{2}\right)$. D. $(1; 0)$

Câu 12. Cho phương trình $x - y = 1$ (1). Phương trình nào dưới đây có thể kết hợp với (1) để được một hệ phương trình có vô số nghiệm ?

- A. $2y = 2x - 2$. B. $y = 1 + x$. C. $2y = 2 - 2x$. D. $y = 2x - 2$.

Câu 13. Phương trình nào dưới đây có thể kết hợp với phương trình $x + y = 1$ để được hệ phương trình có nghiệm duy nhất ?

- A. $3y = -3x + 3$. B. $0x + y = 1$. C. $2y = 2 - 2x$. D. $y + x = -1$.

Câu 14. Hai hệ phương trình $\begin{cases} kx + 3y = 3 \\ -x + y = 1 \end{cases}$ và $\begin{cases} 3x + 3y = 3 \\ y - x = 1 \end{cases}$ là tương đương khi k bằng

- A. 3. B. -3. C. 1. D. -1.

Câu 15. Hệ phương trình $\begin{cases} 2x - y = 1 \\ 4x - y = 5 \end{cases}$ có nghiệm là

- A. $(2; -3)$. B. $(2; 3)$. C. $(-2; -5)$. D. $(-1; 1)$.

Câu 16. Cho phương trình $x - 2y = 2$ (1), phương trình nào trong các phương trình sau kết hợp với (1) được một hệ có nghiệm duy nhất ?

- A. $-\frac{1}{2}x + y = -1$. B. $\frac{1}{2}x - y = -1$. C. $2x - 3y = 3$. D. $2x - y = 4$.

Câu 17. Hệ phương trình $\begin{cases} x - 2y = 3\sqrt{2} \\ x - y = 2\sqrt{2} \end{cases}$ có nghiệm là

- A. $(-\sqrt{2}; \sqrt{2})$. B. $(\sqrt{2}; \sqrt{2})$. C. $(3\sqrt{2}; 5\sqrt{2})$. D. $(\sqrt{2}; -\sqrt{2})$.

Câu 18. Cho hàm số $y = \frac{x^2}{4}$ và các điểm A(1; 0,25); B(2; 2); C(4; 4). Các điểm thuộc đồ thị hàm số gồm:

- A. chỉ có điểm A. B. hai điểm A và C. C. hai điểm A và B. D. cả ba điểm A, B, C.

Câu 19. Đồ thị hàm số $y = ax^2$ đi qua điểm A(3; 12). Khi đó a bằng

- A. $\frac{4}{3}$. B. $\frac{3}{4}$. C. 4. D. $\frac{1}{4}$

Câu 20. Đồ thị hàm số $y = -3x^2$ đi qua điểm C(c; -6). Khi đó c bằng

- A. $\sqrt{2}$. B. $-\sqrt{2}$. C. $\pm\sqrt{2}$. D. kết quả khác.

Câu 21. Đồ thị hàm số $y = ax^2$ cắt đường thẳng $y = -2x + 3$ tại điểm có hoành độ bằng 1 thì a bằng

- A. 1. B. -1. C. $\sqrt{5}$. D. $\pm\sqrt{5}$.

Câu 22. Điểm N(2; -5) thuộc đồ thị hàm số $y = mx^2 + 3$ khi m bằng:

- A. -2. B. 2. C. $\frac{1}{2}$. D. $-\frac{1}{2}$

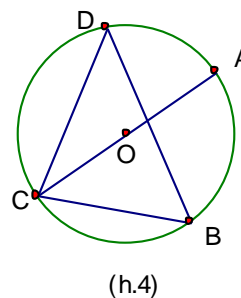
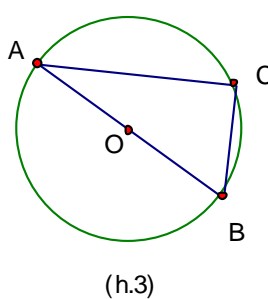
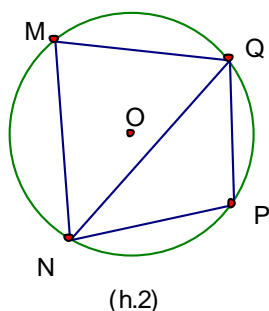
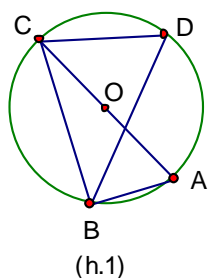
Câu 23. Đồ thị hàm số $y = x^2$ đi qua điểm:

- A. (0; 1). B. (-1; 1). C. (1; -1). D. (1; 0).

Câu 24. Hàm số $y = \left(m - \frac{1}{2}\right)x^2$ đồng biến khi $x > 0$ nếu:

- A. $m < \frac{1}{2}$. B. $m > \frac{1}{2}$. C. $m > -\frac{1}{2}$. D. $m = 0$.

HÌNH HỌC



Câu 1. Trong hình 1, biết AC là đường kính, góc BDC bằng 60° . Số đo góc ACB bằng

- A. 40° . B. 45° . C. 35° . D. 30° .

Câu 2. Trong hình 2, góc QMN bằng 60° , số đo góc NPQ bằng

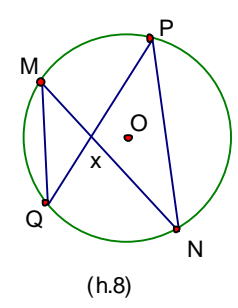
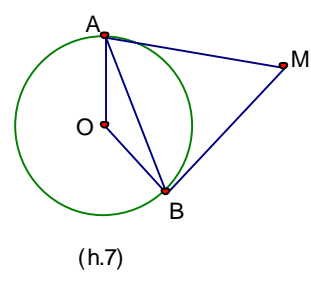
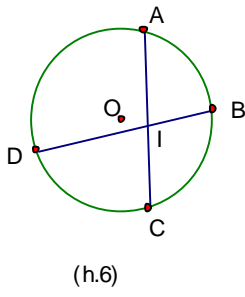
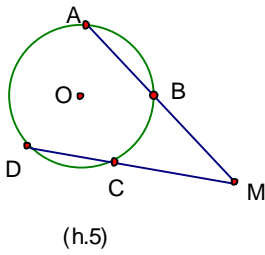
- A. 20° . B. 25° . C. 30° . D. 40° .

Câu 3. Trong hình 3, AB là đường kính của đường tròn, góc ABC bằng 60° , khi đó số đo cung BmC bằng

- A. 30° . B. 40° . C. 50° . D. 60° .

Câu 4. Trong hình 4, biết AC là đường kính của đường tròn, góc ACB bằng 30° . Khi đó số đo góc CDB bằng

- A. 40° . B. 50° . C. 60° . D. 70° .



Câu 5. Trên hình 5, biết số đo cung AmD bằng 80° , số đo cung BnC bằng 30° . Số đo của góc AED bằng

- A. 25° .
- B. 50° .
- C. 55° .
- D. 40° .

Câu 6. Trong hình 6, số đo góc BIA bằng 60° , số đo cung nhỏ AB bằng 55° . Số đo cung nhỏ CD là

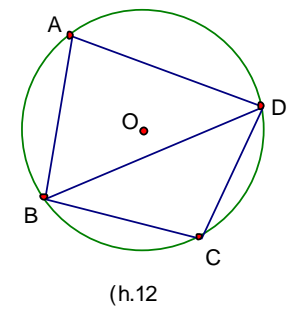
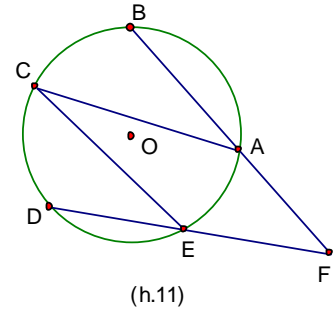
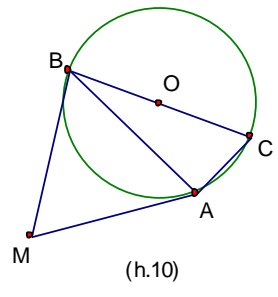
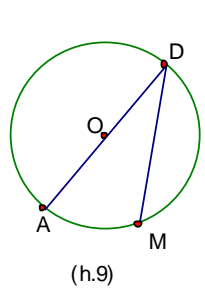
- A. 75° .
- B. 65° .
- C. 60° .
- D. 55° .

Câu 7. Trên hình 7, có MA, MB là các tiếp tuyến tại A và B của (O). Số đo góc AMB bằng 58° . Khi đó số đo góc OAB là

- A. 28° .
- B. 29° .
- C. 30° .
- D. 31° .

Câu 8. Trên hình 8, số đo góc QMN bằng 20° , số đo góc PNM bằng 10° . Số đo của góc x bằng

- A. 15° .
- B. 20° .
- C. 25° .
- D. 30° .



Câu 9. Trên hình 9, số đo cung nhỏ AD bằng 80° . Số đo góc MDA bằng

- A. 40° .
- B. 50° .
- C. 60° .
- D. 70° .

Câu 10. Trong hình 10, MA, MB là tiếp tuyến của (O), BC là đường kính, góc BCA bằng 70° . Số đo góc AMB bằng

- A. 70° .
- B. 60° .
- C. 50° .
- D. 40° .

Câu 11. Trong hình 11, có góc BAC bằng 20° , góc ACE bằng 10° , góc CED bằng 15° . Số đo góc BFD bằng

- A. 55° .
- B. 45° .
- C. 35° .
- D. 25° .

Câu 12. Trong hình 12, có AD//BC, góc BAD bằng 80° , góc ABD bằng 60° . Số đo góc BDC bằng

- A. 40° .
- B. 60° .
- C. 45° .
- D. 65° .

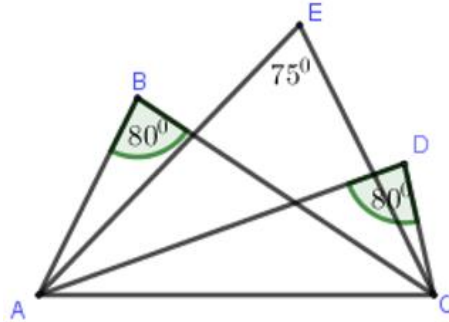
Câu 13: Quỹ tích các điểm M nhìn đoạn thẳng AB cho trước dưới một góc vuông là:

- A. Đường tròn đường kính AB
- B. Nửa đường tròn đường kính AB
- C. Đường tròn đường kính $\frac{AB}{2}$
- D. Đường tròn bán kính AB

Câu 14: Với đoạn thẳng AB và góc ($0^\circ < \alpha < 180^\circ$) cho trước thì quỹ tích các điểm M thỏa mãn $\angle AMB = \alpha$ là:

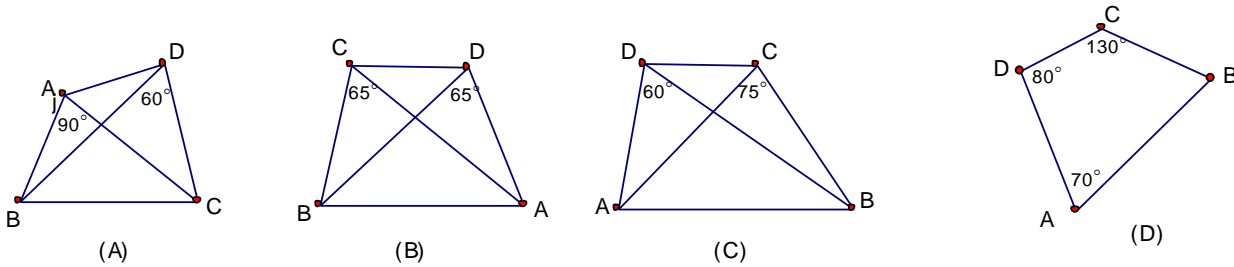
- A. Hai cung chứa góc α dựng trên đoạn AB. Hai cung này không đối xứng nhau qua AB
- B. Hai cung chứa góc α dựng trên đoạn AB và không lấy đoạn AB
- C. Hai cung chứa góc α dựng trên đoạn AB. Hai cung này đối xứng nhau qua AB
- D. Một cung chứa góc α dựng trên đoạn AB

Câu 15: Cho hình vẽ sau, chọn kết luận đúng:



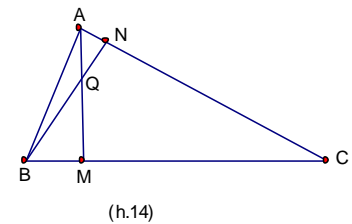
- A. Điểm E thuộc cung chứa góc 80° dựng trên đoạn AC
- B. Điểm B, D thuộc cung chứa góc 80° dựng trên đoạn AC
- C. Ba điểm B, E, D cùng thuộc cung chứa góc 80° dựng trên đoạn AC
- D. Năm điểm A, B, C, D, E cùng thuộc một đường tròn

Câu 16. Hãy chọn ra tứ giác nội tiếp được đường tròn trong các tứ giác sau

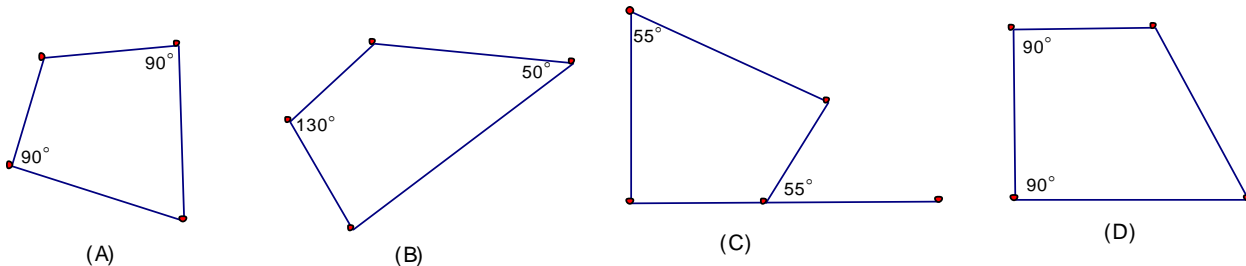


Câu 17. Cho hình 14. Trong các khẳng định sau, hãy chọn khẳng định sai:

- A. Bốn điểm MQNC nằm trên một đường tròn.
- B. Bốn điểm ANMB nằm trên một đường tròn.
- C. Đường tròn qua ANB có tâm là trung điểm đoạn AB.
- D. Bốn điểm ABMC nằm trên một đường tròn.



Câu 18. Tứ giác nào sau đây không nội tiếp được đường tròn ?



Câu 19. Tứ giác nào sau đây nội tiếp được đường tròn ?

- A. Hình bình hành.
- B. Hình thoi.
- C. Hình chữ nhật.
- D. Hình thang.

Câu 20. Hãy chọn khẳng định sai. Một tứ giác nội tiếp được nếu:

- A. Tứ giác có góc ngoài tại một đỉnh bằng góc trong của đỉnh đối diện.
 B. Tứ giác có tổng hai góc đối diện bằng 180^0 .
 C. Tứ giác có hai đỉnh kề nhau cùng nhìn cạnh chứa hai đỉnh còn lại dưới một góc α .
 D. Tứ giác có tổng hai góc bằng 180^0 .

B. MỘT SỐ BÀI TẬP TƯ LUẬN

Bài 1. Giải hệ phương trình

$$1) \begin{cases} 3x - y = 5 \\ x + 2y = 4 \end{cases} \quad 2) \begin{cases} (x-2)(y+1) = xy \\ (x+8)(y-2) = xy \end{cases} \quad 3) \begin{cases} \frac{1}{x} - \frac{6}{y} = 17 \\ \frac{5}{x} + \frac{6}{y} = 13 \end{cases} \quad 4) \begin{cases} x + |y| = 3 \\ 2x - |y| = 3 \end{cases} \quad 5) \begin{cases} \sqrt{x} + 2\sqrt{y-1} = 5 \\ 4\sqrt{x} - \sqrt{y-1} = 2 \end{cases}$$

Bài 2. Cho hàm số $y = (m - 2)x + n$ (d). Xác định m, n để đường thẳng (d)

- 1) Đi qua điểm A(-1; 2) và B (3; - 4)
- 2) Đi qua điểm E (0; -1) và F (1;0)

Bài 3. Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình

- 1) Hai tổ sản xuất cùng làm một công việc thí sau 12 giờ thì xong. Nếu tổ I làm một mình trong 2 giờ; tổ II làm một mình trong 7 giờ thì cả hai tổ làm xong một nửa công việc. Tính thời gian mỗi tổ làm một mình xong công việc.
- 3) Tháng thứ nhất, hai tổ sản xuất làm được 2020 sản phẩm. Tháng thứ hai, số sản phẩm tổ I giảm 12%, số sản phẩm của tổ II làm được tăng 15% nên cả hai tổ làm thêm được 60 sản phẩm so với tháng thứ nhất. Tính số sản phẩm mỗi tổ làm được trong tháng thứ nhất.

Bài 4. Cho hàm số $y = x^2$ có đồ thị là parabol (P) và hàm số $y = x + 2$ có đồ thị là đường thẳng d

- 1) Vẽ đồ thị hai hàm số trên cùng một hệ trục tọa độ
- 2) Tìm tọa độ giao điểm A, B của d với (P).

Bài 5. Cho hàm số $y = -x^2$ có đồ thị là parabol (P) và hàm số $y = x - 6$ có đồ thị là đường thẳng d

- 1) Tìm tọa độ giao điểm A, B của d với (P)
- 2) Tính chu vi, diện tích tam giác OAB.

Bài 6. Cho tam giác ABC nhọn nội tiếp đường tròn (O, R). Kẻ các đường cao BE, CF cắt nhau tại H. Gọi M là giao điểm của BE với (O)

- 1) Chứng minh tứ giác BFEC là tứ giác nội tiếp.
- 2) Chứng minh H, M đối xứng qua AC
- 3) Chứng minh OA vuông góc với EF

Bài 7. Cho nửa đường tròn (O; R) đường kính AB. Dây MN = R (M thuộc cung nhỏ AN). Tia AM cắt tia BN tại K; AN cắt BM tại I

- 1) Chứng minh KMIN là tứ giác nội tiếp
- 2) Chứng minh KM. KA = KN. KB
- 3) Cho R= 3cm. Tính IK

Bài 8. Cho đường tròn (O) và một điểm A nằm ngoài đường tròn (O). Từ A kẻ tiếp tuyến AB, AC tới đường tròn (O) (B, C là các tiếp điểm).

- 1) Chứng minh: A, B, O, C cùng thuộc một đường tròn
- 2) Kẻ dây CD song song với AB, AD cắt đường tròn (O) tại E. Chứng minh: $AB^2 = AE \cdot AD$
- 3) Chứng minh: $\triangle BDC$ cân.
- 4) CE kéo dài cắt AB tại I. Chứng minh $IA = AB$

TRƯỜNG THCS THANH AM

NĂM HỌC 2021-2022

ĐỊNH HƯỚNG ÔN TẬP KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ II NĂM HỌC 2021- 2021

MÔN: NGỮ VĂN 9

A. NỘI DUNG

I. VĂN HỌC: HS thống kê ôn tập các văn bản đã học kì I

1/ Văn bản nhật dụng:

- Bàn về đọc sách- Chu Quang Tiềm

* Nắm vững kiến thức về nội dung, ý nghĩa của các văn bản

2/ Thơ hiện đại:

- Mùa xuân nho nhỏ- Thanh Hải

- Viếng lăng Bác- Viễn Phương

- Sang thu- Hữu Thỉnh

* Nắm vững kiến thức về tác giả và tác phẩm, hoàn cảnh ra đời, học thuộc lòng thơ, hiểu nội dung, nghệ thuật và ý nghĩa văn bản.

* Giải thích được ý nghĩa nhan đề, tác dụng của các chi tiết, hình ảnh, biện pháp nghệ thuật của tác phẩm.

II/ TIẾNG VIỆT

- Các phép liên kết câu
- Các thành phần biệt lập.

Nhận diện các phương châm hội thoại, từ vựng, sự phát triển của từ vựng và phương thức chuyển nghĩa, biện pháp tu từ, hình thức độc thoại, đối thoại, phát hiện việc sử dụng các phép liên kết câu, thành phần biệt lập trong phần đọc hiểu đồng thời biết sử dụng trong tạo lập văn bản.

III/ TẬP LÀM VĂN:

HS nắm vững các kỹ năng tạo lập văn bản vận dụng các phương thức biểu đạt đã được học trong chương trình Ngữ văn THCS (Tự sự, miêu tả, biểu cảm, thuyết minh, nghị luận)

- Tiến hành các bước tạo lập văn bản đúng mô hình đoạn diễn dịch, quy nạp, tổng phân hợp
- Viết đoạn có sử dụng yêu cầu Tiếng Việt.
- Kiểu bài nghị luận xã hội về một sự việc hiện tượng và nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lý.

B. HÌNH THỨC VÀ THỜI GIAN KIỂM TRA

- Hình thức kiểm tra: Tự luận (Cấu trúc, dạng câu hỏi như đề thi tuyển sinh vào lớp 10)
- Thời gian làm bài: 90 phút

C. MỘT SỐ DẠNG BÀI THAM KHẢO.

Bài 1: Cho câu thơ: *Mùa xuân người cầm súng*

- Chép chính xác 7 câu thơ tiếp theo để hoàn thiện khổ thơ và cho biết: Đoạn thơ trên nằm trong tác phẩm nào, của ai? Nêu hoàn cảnh ra đời tác phẩm ấy.
- Trong những câu thơ trên từ “lộc” được hiểu như thế nào? Theo em, vì sao hình ảnh “người cầm súng” lại được tác giả miêu tả “Lộc giắt đầy trên lưng”?
- Kể tên một văn bản khác trong chương trình ngữ văn THCS cũng viết về vẻ đẹp của mùa xuân (Ghi rõ tên tác giả).
- Viết đoạn văn khoảng 12 câu theo cấu trúc tổng phân hợp phân tích và làm rõ những cảm nhận về mùa xuân của đất nước trong đoạn thơ em vừa chép. Đoạn văn có sử dụng 01 thành phần biệt lập phụ chú, 01 phép lặp để liên kết (Gạch chân chỉ rõ thành phần biệt lập phụ chú và từ ngữ được sử dụng làm phép liên kết)

Bài 2: Trong bài “Sang thu”, tác giả Hữu Thỉnh có viết: “*Vẫn còn bao nhiêu nắng*”

- Chép 3 câu thơ tiếp theo để hoàn thiện khổ thơ.
- Hãy cho biết năm sáng tác và xuất xứ của bài thơ trên?
- Em hiểu gì về hình ảnh “*sấm*” và “*hàng cây đứng tuổi*”? Chúng gợi cho em những liên tưởng gì?
- Kể tên 2 tác phẩm sáng tác cùng thời kì với bài thơ trên (nêu rõ tên tác giả)
- Viết đoạn văn khoảng 12 câu phân tích và làm rõ cảm nhận của nhà thơ về tín hiệu lúc thu sang trong không gian rộng và cao cùng với những suy ngẫm triết lí về sự trưởng thành của con người. Trong đoạn văn có sử dụng 01 câu ghép, 01 thành phần biệt lập tình thái (gạch chân, chỉ rõ)

Bài 3: Mở đầu bài thơ tác giả Viễn Phương với giọng tâm tình “Con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”.

- Hãy chép chính xác 3 câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh khổ thơ. Nêu hoàn cảnh ra đời và xuất xứ của tác phẩm.
- Tại sao nhan đề bài thơ là Viếng lăng Bác nhưng trong câu thơ đầu tiên tác giả lại dùng từ “thăm”: “con ở miền Nam ra thăm lăng Bác”
- Trong CT ngữ văn THCS cũng có văn bản khác viết về hình ảnh cây tre. Kể tên văn bản và tác giả.
- Trong niềm xúc động khi lần đầu ra thăm lăng Bác, nhà thơ đã có những quan sát và liên tưởng thật tinh tế khi ngắm nhìn dòng người vào lăng viếng Bác. Hãy viết đoạn văn khoảng 12 câu theo cấu trúc quy nạp để làm rõ điều đó. Trong đoạn văn có sử dụng 01 khởi ngữ, 01 phép thế để liên kết (Gạch chân và chỉ rõ khởi ngữ, từ ngữ được sử dụng làm phép thế)

Bài 4: Kết thúc bài thơ “Viếng lăng Bác” nhà thơ Viễn Phương có viết:

*“Mai về miền Nam thương trào nước mắt
Muốn làm con chim hót quanh lăng Bác
Muốn làm đóa hoa tỏa hương đâu đây
Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này.”*

(SGK Ngữ văn 9- tập II- NXBGD)

a. Theo em, từ “trung hiếu” thuộc từ loại nào? Khi tác giả viết “Muốn làm cây tre trung hiếu chốn này” nhà thơ muốn thể hiện ước nguyện gì?

b. Hình ảnh “cây tre” ở khổ thơ trên đã xuất hiện trong khổ thơ nào của bài? Việc lặp lại đó có ý nghĩa gì?

c. Bằng một đoạn văn khoảng 12 câu theo cách lập luận diễn dịch, em hãy phân tích khổ thơ cuối của bài thơ “Viếng lăng Bác”, trong đoạn văn có sử dụng một câu ghép và phép nối để liên kết câu. (Gạch chân dưới câu ghép và phương tiện làm phép nối)

d. Kể tên một văn bản khác trong chương trình Ngữ văn lớp 9 THCS cũng có các điểm chung sau:

- Khát vọng hóa thân, hòa nhập, cống hiến
- Kết cấu đầu cuối tương ứng

Bài 5: Đọc đoạn trích sau và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

“Có người nói thành đạt là do gặp thời, có người lại cho là do hoàn cảnh bức bách, có người cho là do có điều kiện được học tập, có người lại cho là do có tài năng trời cho. Các ý kiến đó mỗi ý chỉ nói tới một nguyên nhân, mà lại đều là nguyên nhân khách quan, họ quên mất nguyên nhân chủ quan của con người.

Thật vậy. Gặp thời tức là gặp may, có cơ hội, nhưng nếu chủ quan không chuẩn bị thì cơ hội cũng sẽ qua đi. ***Hoàn cảnh bức bách tức là hoàn cảnh khó khăn buộc phải khắc phục. Nhưng gặp hoàn cảnh ấy có người bi quan, thất vọng, chán nản, thối chí có người lại gồng mình vượt qua.***

(Nguyễn Hương, Trò chuyện với bạn trẻ, Ngữ văn 9, tập hai, NXB Giáo dục Việt Nam, 2018)

1. Xác định một phép liên kết được sử dụng trong hai câu văn in nghiêng ở trên và chỉ rõ từ ngữ dùng làm phương tiện liên kết.
2. Theo tác giả, khi gặp “hoàn cảnh khó khăn buộc phải khắc phục”, con người có những cách ứng xử nào?
3. Từ nội dung đoạn trích trên, em hãy trình bày suy nghĩ (khoảng 2/3 trang giấy thi) về ý kiến: Phải chăng hoàn cảnh khó khăn cũng là cơ hội để mỗi người khám phá khả năng của chính mình?

UNIT 7. RECIPES AND EATING HABITS

I. VOCABULARY

1. chop (v) /tʃɒp/: chặt	13. shallot (n) /ʃə'ləʊt/: hành khô
2. cube (n) /kju:b/: miếng hình lập phương	14. simmer (v) /'sɪmə(r)/: om
3. deep-fry (v) /di:p-fraɪ/: rán ngập mỡ	15. spread (v) /spred/: phết
4. dip (v) /dɪp/: nhúng	16. sprinkle (v) /'sprɪŋkl/: rắc
5. drain (v) /dreɪn/: làm ráo nước	17. slice (v) /slaɪs/: cắt lát
6. garnish (v) /'gɑ:rnɪʃ/: trang trí (món ăn)	18. staple (n) /'steɪpl/: lương thực chính
7. grate (v) /greɪt/: nạo	19. starter (n) /'stɑ:tə(r)/: món khai vị
8. grill (v) /grɪl/: nướng	20. steam (v) /sti:m/: hấp
9. marinate (v) /'mærɪneɪt/: ướp	21. stew (v) /stju:/: hầm
10. peel (v) /pi:l/: gọt vỏ, bóc vỏ	22. stir-fry (v) /stɜ:(r)-fraɪ/: xào
11. purée (v) /'pjʊəreɪ/: xay nhuyễn	23. tender (adj) /'tendə(r)/: mềm
12. roast (v) /rəʊst/: quay	24. versatile (adj) /'vɜ:sətəɪl/: đa dụng
	25. whisk (v) /wɪsk/: đánh (trứng...)

II. GRAMMAR

1- Modal verbs in conditional sentences type 1:

If S + V(simple present), S + can/may/ must/ will/ should

2. Quantifiers:

- | | |
|---------------|-------------------|
| - a cup of | - a slice of |
| - a bottle of | - a clove of |
| - a glass of | - a teaspoon of |
| - a bunch of | - a gram/ kilo of |
| - a head of | - a packet of |

PRACTICE FOR UNIT 7

I. Choose the word whose underlined part is pronounced differently from that of the others

- | | | | |
|-----------------------|---------------------|------------------------|-----------------------|
| 1.A. <u>e</u> ternal, | B. <u>e</u> nergy | C. <u>e</u> radicate, | D. <u>e</u> liminate |
| 2.A. ast <u>ou</u> nd | B. acc <u>ou</u> nt | C. <u>co</u> untry | D. <u>mo</u> unting |
| 3.A. bush <u>e</u> s | B. wish <u>e</u> s | C. research <u>e</u> s | D. headach <u>e</u> s |
| 4.A. des <u>e</u> rt | B. res <u>e</u> rve | C. obs <u>e</u> rvant | D. cons <u>e</u> rve |
| 5.A. <u>e</u> xist | B. <u>e</u> xinct | C. <u>e</u> xplorer | D. <u>e</u> xpand |

II. Choose the word that is stressed differently from that of the other words.

1. A. reckon B. protein C. sanguine D. technique
2. A. decisive B. parachute C. aero-plane D. marathon
3. A. reckon B. protein C. sanguine D. technique
4. A. mineral B. nutritious C. safeguarding D. regulate
5. A. genius B. principle C. generous D. volunteer

III. Choose the best answer to fill in the blank

1. Perhaps the three most popular ice cream_____ are vanilla, chocolate and strawberry.
A. brands B. ingredients C. offers D. flavors
2. You usually_____ vegetables like onion. It means that you cut them into many small pieces.
A. chop B. whisk C. grate D. sprinkle
3. If you join a Japanese meal, you may be_____ to see how the colorful dishes are arranged according to a traditional pattern.
A. exciting B. excite C. excitedly D. excited
4. My mother thinks that it's important_____ a new day with a good breakfast so she always gets up early to prepare breakfast with nutritious things for us.
A. to get B. to start C. to decide D. to make
5. One of my friends sometimes skip breakfast_____ they get up late in the morning.
A. because B. although C. in spite of D. because of
6. My mom says my eating habits are_____ so I am thinking about changing them.
A. healthy B. unhealth C. healthily D. unhealthy
7. Sometimes, I myself make_____ for my dinner because I think it's tasty and healthy food.
A. rice B. ingredient C. sushi D. spicy
8. Moderation doesn't mean_____ the foods you love.
A. to eliminate B. eliminating C. to prevent D. preventing
9. Studies suggest_____ only when you are most active and giving your digestive system a long break each day.
A. to eat B. being eaten C. eating D. being eating

10. Your body uses calcium to build healthy bones and teeth, _____ then strong as you age.

A. remain B. care C. continue D. keep

11. If you eat too quickly, you may not _____ is attention to whether your hunger satisfied.

A. pay B. take C. keep D. show

Reading:

Fast food can be defined as any food that contributes little or no nutrient value to the diet, but instead provides excess calories and fat. Fast food can be a good way to save time, but it is not the (1) _____ way for nutrition because it can have negative effects (2) _____ our health.

Obesity

Obesity means having too much body fat. Fast food is high (3) _____ calories and sugar that contribute to increased weight gain. Even small amount of fast food can (4) _____ your calorie intake considerably. Fast foods also replace healthy eating habits. For example, people who consume fast foods are less (5) _____ to eat fruits, vegetables, milk etc. This change in eating habits can easily lead to obesity.

Heart disease

Eating fast food four (6) _____ more times a week can increase the risk of dying from heart disease by 80 percent. Fast food creates a much higher risk of heart disease because of the high (8) _____ of saturated or trans fats found in much of the food. Those fats can clog the arteries and, over time, (8) _____ to high cholesterol levels.

Type 2 diabetes

This type of diabetes is often caused by (9) _____ lifestyle choices, such as being overweight and not being physically active. There is a side effect of consuming frequent amounts (10) _____ fast food ‘obesity’ which can lead to the development of diabetes.

- | | | | | |
|-----|-------------|------------|---------------|-------------|
| 1. | A. typical | B. similar | C. sticky | D. proper |
| 2. | A. of | B. to | C. for | D. on |
| 3. | A. to | B. in | C. of | D. for |
| 4. | A. complete | B. rise | C. decrease | D. increase |
| 5. | A. possible | B. likely | C. able | D. likable |
| 6. | A. or | B. but | C. and | D. either |
| 7. | A. portion | B. lots | C. level | D. number |
| 8. | A. manage | B. build | C. contribute | D. result |
| 9. | A. poor | B. good | C. rich | D. healthy |
| 10. | A. of | B. to | C. for | D. on |

WRITING

Mark the letter A, B, C or D to indicate the sentence that is closest in meaning to each of the following questions.

1. If you cook the vegetables too long, the vitamins in it will be destroyed.

A. Cooking the vegetables too long can be destroy their vitamins.

B. Cooking the vegetables too long can destroy their vitamins.

C. Cooking the vegetables too long can destroying their vitamins.

D. Cooking the vegetables too long can be destroyed their vitamins.

2. **Eating healthy foods is very important.**

A. It is important to eating healthy foods.

B. It is important to eat healthy foods.

C. It is important to be eat healthy foods.

D. It is important to be eating healthy foods.

3. **The rice must be cleaned before cooking.**

A. You must be clean the rice before cooking it.

B. You must be cleaning the rice before cooking it.

C. You must clean the rice before cooking it.

D. You must cleaning the rice before cooking it.

4. **He often eats fast food and drinks soft drink. He puts on weight quickly.**

A. If he doesn't eat fast food and drink soft drink often, he won't put on weight quickly.

B. If he doesn't eat fast food and drink soft drink often, he will put on weight quickly.

C. If he doesn't eat fast food and drink soft drink often, he won't be put on weight quickly.

D. If he doesn't eat fast food and drink soft drink often, he will be put on weight quickly.

5. **My mother often teaches my sister how to cook traditional Vietnamese food. My sister can cook very well now.**

A. If my mother teaches my sister how to cook traditional Vietnamese food, she can't cook very well now.

B. If my mother taught my sister how to cook traditional Vietnamese food, she can't cook very well now.

C. If my mother teaching my sister how to cook traditional Vietnamese food, she can't cook very well now.

D. If my mother doesn't teach my sister how to cook traditional Vietnamese food, she can't cook very well now.

Complete sentences using the words/ phrases given in their correct forms. You can add some more necessary.

6. 1.If / you / come / Viet Nam / you / should / try / pho / . / It / really / delicious / .

A. If you come to Viet Nam, you should try pho. It's really delicious.

B. If you come to Viet Nam, you should be try pho. It really delicious.

C. If you come to Viet Nam, you should trying pho. It will really delicious.

D. If you come to Viet Nam, you should be trying pho. It can really delicious.

7. most common cooking styles / deep-frying / stir-frying / boiling / steaming.

A. The most common cooking styles is deep-frying, stir-frying, boiling and steaming.

B. The most common cooking styles are deep-frying, stir-frying, boiling and steaming.

C. The most common cooking styles be deep-frying, stir-frying, boiling and steaming.

D. The most common cooking styles will deep-frying, stir-frying, boiling and steaming.

8. Vietnamese food / tend / not / very fatty / as / they / use / minimal oil / dishes.

A. Vietnamese food tends not to be very fatty, as they used minimal oil in their dishes.

B. Vietnamese food tends not to be very fatty, as they using minimal oil in their dishes.

C. Vietnamese food tends not to be very fatty, as they use minimal oil in their dishes.

D. Vietnamese food tends not to be very fatty, as they will use minimal oil in their dishes.

9. Most / the meals / combination / meats / vegetables / herbs.

A. Most of the meals is a combination of meats, vegetables and herbs.

B. Most of the meals be a combination of meats, vegetables and herbs.

C. Most of the meals will a combination of meats, vegetables and herbs.

D. Most of the meals are a combination of meats, vegetables and herbs.

10. Most meals / served / extra soy sauce / fish sauce.

A. Most meals are served with extra soy sauce and fish sauce.

B. Most meals is served with extra soy sauce and fish sauce.

C. Most meals is being served with extra soy sauce and fish sauce.

D. Most meals be served with extra soy sauce and fish sauce.

UNIT 8. TOURISM

I. VOCABULARY

1. affordable (adj) /ə'fɔ:dəbl/: có thể chi trả được, hợp túi tiền
2. air (v) /eə(r)/: phát sóng (đài, vô tuyến)
3. breathtaking (adj) /'breθteɪkɪŋ/: ấn tượng, hấp dẫn
4. check-in (n) /tʃek-ɪn/: việc làm thủ tục lên máy bay
5. checkout (n) /'tʃekəʊt/: thời điểm rời khỏi khách sạn
6. confusion (n) /kən'fju:ʒn/: sự hoang mang, bối rối
7. erode away (v) /ɪ'rəʊd ə'weɪ/: mòn đi
8. exotic (adj) /ɪg'zɒtɪk/: kì lạ
9. explore (v) /ɪk'splɔ:(r)/: thám hiểm
10. hyphen (n) /'haɪfn/: dấu gạch ngang
11. imperial (adj) /ɪm'prɪəriəl/ (thuộc về) hoàng đế
12. inaccessible (adj) /,ɪnæks'sesəbl/: không thể vào/tiếp cận được
13. lush (adj) /lʌʃ/: tươi tốt, xum xuê
14. magnificence (n) /mæg'nɪfɪsns/: sự nguy nga, lộng lẫy, tráng lệ
15. not break the bank (idiom) /nɒt breɪk ðə bæŋk/: không tốn nhiều tiền
16. orchid (n) /'ɔ:kɪd/: hoa lan
17. package tour (n) /'pækɪdʒ tʊə(r)/: chuyến du lịch trọn gói
18. pile-up (n) /paɪ-lʌp/: vụ tai nạn do nhiều xe đâm nhau
19. promote (v) /prə'məʊt/: giúp phát triển, quảng bá
20. pyramid (n) /'pɪrəməɪd/: kim tự tháp
21. safari (n) /sə'fɑ:ri/: cuộc đi săn, cuộc hành trình (bằng đường bộ nhất là ở đông và nam phi)
22. stalagmite (n) /stə'lægmaɪt/: măng đá
23. stimulating (adj) /'stɪmjuleɪtɪŋ/: thú vị, đầy phần kích
24. touchdown (n) /'tʌtʃdaʊn/: sự hạ cánh
25. varied (adj) /'veəriəd/: đa dạng

II. GRAMMAR

Mạo từ “An”

- Trước một danh từ số ít bắt đầu bằng 4 nguyên âm (e, o, a, i)

- Trước 2 bán nguyên âm u,y.
- Trước các danh từ bắt đầu bằng âm “h” câm. VD: an hour.

Mạo từ “A”

- Dùng trước danh từ bắt đầu bằng phụ âm.
- Trước danh từ bắt đầu với “uni”.

Mạo từ xác định “The”

đề cập tới đối tượng mà cả người nói lẫn người nghe đều biết.VD : a university

- **The + N chỉ đối tượng được coi là duy nhất.**VD: The mon, the sun, v.v....
- **The + từ chỉ thứ tự.**VD : the first, the last, v.v... .
- **The + Liên Bang, Hợp chúng quốc, quần đảo.**VD : the US, the UK, etc.
- **The + N chỉ chức vụ hay tước hiệu mà KHÔNG có tên riêng đi kèm.**VD : the Queen, the King, v.v... .
- **The + Adj chỉ tính cách đặc điểm khi nói tới nhóm người**E.g: the mean, the old, v.v....
- **The + Tên nhạc cụ.**VD : the piano, the guitar, etc.
- **The + N chỉ tên riêng của dãy núi, đại dương, hồ, sông... mà KHÔNG có N chỉ các đối tượng đi kèm.**VD: London is on the Themse.
- **The + N số ít khi nói đến cả một thể loại.**VD :the rose = roses.
- **The + N chỉ phương hướng.**VD: the West, the East, etc.

PRACTICE FOR UNIT 8

①. PHONETICS

I. Choose the words whose underlined part is pronounced differently from that of the others in each group.

- | | | | |
|------------------------|------------------------|----------------------|-----------------------|
| 1. A. <u>e</u> xplore | B. <u>e</u> nvironment | C. <u>r</u> esort | D. <u>e</u> xpedition |
| 2. A. <u>t</u> ropical | B. <u>p</u> otato | C. <u>p</u> otential | D. <u>p</u> romote |
| 3. A. <u>h</u> yphen | B. <u>h</u> onest | C. <u>h</u> elmet | D. <u>h</u> oliday |

II. Choose the word whose main stressed syllable is placed differently from that of the other in each group.

- | | | | |
|--------------------|----------------|-----------------|---------------|
| 4. A. magnificence | B. destination | C. affordable | D. accessible |
| 5. A. breathtaking | B. affordable | C. magnificence | D. imperial |

②. VOCABULARY & GRAMMAR

III. Choose the option (A, B, C or D) that best completes each of the following sentences.

6. There could be both positive and negative _____ of tourism activities on the environment.
 A. impacts B. impacted C. impactful D. impact
7. If you pay a visit to Hue, you should once visit Lang Co beach where you can have the most relaxing time and admire the natural beauty of _____ .
 A. views B. panoramas C. sights D. landscapes
8. The increase of tourists often _____ an increase in the amount of garbage.
 A. pays for B. leads to C. works out D. makes for
9. Did you have _____ nice holiday? Yes, It was _____ best holiday I've ever had.
 A. an/ a B. a/ the C. ø/ the D. the/ a
10. I'd like to become a _____ because I can travel everywhere and show tourists around.
 A. explorer B. tour guide C. flight attendance D. holiday maker
11. Every time my father flies to America, he gets really bad _____.
 A. jet lag B. journey C. touchdown D. mix-up
12. Have you ever been to the _____ discovered Son Doong Cave, one of the most beautiful caves in Viet Nam?
 A. just B. new C. newly D. recent
13. Do you think cycling from Ha Noi to Ho Chi Minh City with some friends is _____?
 A. interest B. interestingly C. interesting D. interested
14. I am sure tourism has contributed _____ to the income of this region.
 A. many B. big C. great D. greatly
15. Tourism has certainly _____ an important factor in the development of many countries.
 A. to become B. become C. became D. becoming
16. Tourism brings cultural benefits, as travelers learn about the history and culture of a place, and _____ them around the world.
 A. spread B. move C. speak D. make

Choose the word or phrase that is CLOSEST in meaning to the underlined part in each of the following sentences.

17. To entertain tourists, the local people have to change usual foods to suit their tastes.
 A. satisfy B. enjoy C. attract D. persuade
18. When you take part in an eco tour, you learn more about the cultural traditions of the local people and the natural habitat of some rare animals.
 A. participate B. conduct C. enjoy D. depart

Choose the word or phrase that is OPPOSITE in meaning to the underlined part in each of the following sentences.

27. A. destinations B. places C. camps D. seasons
28. A. regarded B. found C. judged D. considered
29. A. attraction B. attracted C. attractive D. attracting
30. A. moved B. moving C. changed D. changing
31. A. reason B. the reason C. the reason why D. the reason
32. A. look B. look at C. look like D. look for
33. A. perfect B. best C. ideal D. wonder
34. A. make B. makes C. ideal D. making
35. A. to discover B. for discovering C. to be discovered D. discovering

VI. Read the passage, and choose the correct answer A, B, C or D for each question.

Situated on the central coast of Viet Nam, which is famous for many beautiful beaches. Lang Co Beach, since June 2009, has become an official member of the “World’s most beautiful bays” club. Today, it is a popular destination for tourists in Viet Nam, especially for those who love beach so much.

With the length of approximately 10 kilometres, Lang Co Beach located in Lang Co town, Phu Loc district, Thua Thien - Hue province is next to the National Highway 1A and near Hai Van Pass.

Lying on the most beautiful curve of the country, Lang Co has almost everything that nature can offer: green mountains and tropical forests, smooth white sand, full of sunshine and cool, blue and clear sea as crystal, and the average temperature of 25°C in summer. It is an attractive destination for both domestic and international tourists in Viet Nam. It is the third bay of Viet Nam, after Ha Long and Nha Trang named in the list of 30 most beautiful bays in the globe.

It can be said that nobody can resist a nature beauty like Lang Co town. This small and peaceful town will give you the most relaxing time and many games at the beach. In addition, you have a good time to enjoy the seafood with various kinds of shrimps, lobster, crab, butter-fish, mackerel fish, oysters, etc. And not far from the beach are some attractions such as Lang Co fishing village, Chan May scenery.

Lying on the “Central Heritage Road”, Lang Co is very close to other famous attractions such as the Imperial City of Hue, Hoi An Ancient Town, Son Tra Peninsula where the famous Son Tra Natural Reserve and beautiful beaches located, and so many more.

36. Lang Co beach is located _____

- A. between Hoi An Town and Son Tra Peninsula.
- B. on the most beautiful curve of Viet Nam.
- C. 10 kilometres away from Hue.

D. under Hai Van Pass.

37. The most important reason why so many tourists come to Lang Co beach is that_____

A. it is the third most beautiful beach in Viet Nam.

B. they can enjoy various kinds of seafood.

C. they can come to the famous Son Tra Natural Reserve.

D. it is considered an ideal place for beach lovers.

38. All of the following are attractions of Lang Co Beach EXCEPT_____

A. The National Highway 1A next to it.

B. Smooth white sand, and full of sunshine.

C. Cool, blue and clear sea as crystal.

D. Its location on the “Central Heritage Road”.

39. We can infer from the passage that Lang Co Beach_____

A. is very hot during summer.

B. is the most beautiful bay in the world.

C. enjoys the harmony of nature and humans.

D. is the first member of the “World s most beautiful bays” club in Viet Nam.

40. Coming to Lang Co Beach, you can do all of the following activities EXCEPT_____ A.

Relaxing and joining in beach games.

B. Sunbathing on many beautiful beaches.

C. Visiting the nearby fishing village.

D. Enjoying seafood.

④. WRITING

VII. Mark the letter A, B, C or D to indicate the sentence that is closest in meaning to each of the following questions.

41. “Why do pickpockets often prefer crowded places?”, asked Tom.

A. Tom wondered why pickpockets often preferred crowded places.

B. Tom asked if pickpockets often prefer crowded places.

C. Tom wondered whether pickpockets often prefer crowded places.

D. Tom asked if pickpockets often preferred crowded places.

42. Paul's family: "If only we can stay in the Netherlands for two more days."

A. Paul's family wish they had two more days to stay in the Netherlands.

B. Paul's family wish they stayed in the Netherlands in two days.

C. Paul's family wish they were in the Netherlands in two days.

D. Paul's family wish they were in the Netherlands in more two days.

43. Kim said she would narrow the visit down to three famous cities in South Korea.

A. Kim said she would reduce the time to visit three South Korea cities.

B. Kim said she would reduce the number of South Korea cities to visit to three.

C. Kim said she would visit three South Korea cities to reduce time.

D. Kim said she would be visited three South Korea cities to reduce time.

44. In order to have a drink with you, I must reach the destination on time.

A. If I reached the destination on time, I would have a drink with you.

B. If I reach the destination on time, I can have a drink with you.

C. Unless I reach the destination on time, I may have a drink with you.

D. Unless I reached the destination on time, I may have a drink with you.

45. Semi-desert plains are magnificent. So are lush valleys of tropical rainforest.

A. Neither semi-desert plains nor lush valleys of tropical rainforest are magnificent.

B. Unlike lush valleys of tropical rainforest, semi-desert plains are magnificent.

C. Both semi-desert plains and lush valleys of tropical rainforest are magnificent.

D. Unlike lush valleys of tropical rainforest, semi-desert plains is magnificent.

VIII. Complete sentences using the words/ phrases given in their correct forms. You can add some more necessary.

46. sometimes / development/ tourism / bad / effects / on / environment/.

A. Sometimes the development of tourism has bad effects on the environment.

B. Sometimes the development of tourism have bad effects on the environment.

C. Sometimes the development of tourism having bad effects on the environment.

D. Sometimes the development of tourism had bad effects on the environment.

47. one / drawbacks/tourism/ damage to / environment / area/ or/ country /.

- A. One of the drawbacks of tourism are the damage to the environment of an area or a country.
 B. One of the drawbacks of tourism is the damage to the environment of an area or a country.
 C. One of the drawbacks of tourism is be the damage to the environment of an area or a country.
 D. One of the drawbacks of tourism to be the damage to the environment of an area or a country.
48. some / towns / and / countries / usually / become / overcrowded /with/ tourists / at /summer time /.

- A. Some towns and countries usually become overcrowded in tourists at summer time.
 B. Some towns and countries usually become overcrowded on tourists at summer time.
 C. Some towns and countries usually become overcrowded with tourists at summer time.
 D. Some towns and countries usually become overcrowded for tourists at summer time.

49. Da Nang / city / where / international / fireworks / festival / held / yearly /.

- A. Da Nang is the city where a international fireworks festival is held yearly.
 B. Da Nang is the city where an international fireworks festival is held yearly.
 C. Da Nang is the city where international fireworks festival is held yearly.
 D. Da Nang is the city where the international fireworks festival is held yearly.

50. she / advised / me / not / go / there/ peak / season / because / there / a lot / tourists / and / everything / very / expensive / .

- A. She advised me do not to go there at peak season because there are a lot of tourists and everything is very expensive.
 B. She advised me does not to go there at peak season because there are a lot of tourists and everything is very expensive.
 C. She advised me did not to go there at peak season because there are a lot of tourists and everything is very expensive.
 D. She advised me not to go there at peak season because there are a lot

UNIT 9. ENGLISH IN THE WORLD

I. VOCABULARY

- openness (n) /'əʊpənnəs/: sự mở rộng
- operate (v) /'ɒpəreɪt/: đóng vai trò
- flexibility (n) /,fleksə'bɪlɪtɪ/: tính linh hoạt
- simplicity (n) /sɪm'plɪsəti/: sự đơn giản
- punctual (adj) /'pʌŋktʃuəl/: đúng giờ
- dialect (n) /'daɪələkt/: phương ngữ
- bilingual (adj) /baɪ'lɪŋgwəl/: dùng được hai thứ tiếng
- rusty (adj) /'rʌsti/: gỉ, cùn; khăn (giọng)

- settlement ['setlmənt] (n): sự dàn xếp, khu/sự định cư
- derivatives [di'rivətiv](n): từ phát sinh
- establishment (n): sự thiết lập
- immersion [i'mə:ʃn] school (n): trường học nơi sử dụng một ngôn ngữ khác tiếng mẹ đẻ
- dominant ['dɒmɪnənt] (adj): chi phối, chiếm ưu thế
- immigration (n): sự nhập cư
- massive ['mæsɪv] (adj): to lớn
- get in by a language: cố gắng sử dụng một ngôn ngữ với những gì mình có
- pick up a language: học một ngôn ngữ một cách tự nhiên từ môi trường xung quanh

PRACTICE FOR UNIT 9

PHONETICS

I. Choose the words whose underlined part is pronounced differently from that of the others in each group.

- | | | | |
|----------------------|---------------------|---------------------|----------------------|
| 1. A. <u>massive</u> | B. <u>immersion</u> | C. <u>establish</u> | D. <u>rusty</u> |
| 2. A. <u>variety</u> | B. <u>bilingual</u> | C. <u>dialect</u> | D. <u>derivative</u> |
| 3. A. <u>ranked</u> | B. <u>gained</u> | C. <u>prepared</u> | D. <u>improved</u> |

II. Choose the word whose main stressed syllable is placed differently from that of the other in each group.

- | | | | |
|-------------------|-----------------|-------------------|---------------|
| 4. A. translate | B. pronounce | C. persuade | D. borrow |
| 5. A. flexibility | B. conversation | C. characteristic | D. intonation |

2. VOCABULARY & GRAMMAR

III. Choose the option (A, B, C or D) that best completes each of the following sentences.

6. The language that you learn to speak from birth is _____ language.
- A. official B. first C. second D. foreign
7. There are many _____ of English all over the world such as British English, American English and Indian English.
- A. speakers B. terms C. dialogues D. varieties
8. It's an important part of cultural identity to keep your _____ in speaking English.
- A. vocabulary B. language C. accent D. skill
9. Much _____ comes through body language are gesture.

- A. Communication B. exchange C. speech D. talk
10. Try to _____ the meaning of words rather than going to straight for your dictionary.
A. judge B. guess C. decide D. expect
11. Reading is the best way to _____ your vocabulary in any language.
A. improve B. increase C. raise D. put up
12. One way of increasing your speed of comprehension is to learn all your vocabulary without the use of your own _____.
A. first language B. technical language
C. business language D. official business
13. If I didn't have exams next week, I _____ camping with you this weekend.
A. will go B. will have gone C. would have gone D. would go
14. You have to tell me the reason _____ you stop learning English.
A. because B. that C. which D. why
15. My children like _____ food such as hamburgers and pizzas.
A. convenience B. comfortable C. healthy D. quick
16. Do you remember the place _____ we first met?
A. which B. where C. from which D. that

Choose the word or phrase that is CLOSEST in meaning to the underlined part in each of the following sentences.

17. She left school and immediately started to make her own way without help from her family.
A. find her living B. try her living C. hold her living D. earn her living
18. Yes, we went away on holiday last week, but it rained day in day out.
A. every single day B. every other day C. every second day D. every two days

Choose the word or phrase that is OPPOSITE in meaning to the underlined part in each of the following sentences.

19. Primary education in the United States is compulsory.
A. selective B. optional C. free of charge. D. required
20. The company is very successful in releasing a new customer driven product, which contains no artificial colors.
A. artful B. false C. natural D. factitious

IV. Choose the underline word or phrase (marked A, B, C or D) in each sentence that needs correcting.

21. It was me who make lots of mistakes in English class yesterday.

- A. It B. me C. make D. in

22. The boy whom is imitating other foreign speakers is in grade 9.

- A. The B. whom C. other D. in

23. If Maria guessed the meaning of that word, she will get a good point.

- A. meaning B. that C. will get D. point

24. My sister who looks up ten new words in a dictionary daily want to travel.

- A. who B. looks C. a D. wants

25. We have a smart TV where can be used as a computer.

- A. a smart TV B. where C. used as D. computer

3. READING

V. Choose the option (A, B, or C) that best completes each numbered blank in the passage.

Many books, newspapers, airports and air-traffic control, technology, sports, pop music and advertising have the English as the (26)_____ language. In general, the universal language on the Internet is the English. The majority of the electronically stored (27)_____ around the world is in English. You can travel to any English speaking country without the need of having a (28)_____.

Usually, if you don't know the language your hip would be hard and maybe you wouldn't enjoy it. Nowadays in the competitive job (29)_____ it is necessary to speak English. So if you learn English you will have a better (30)_____ of getting a job that pays more. English is also helpful if you are going to move to a different country (31)_____ it is global language. A lot of educational information is in English; therefore, to have (32)_____ to this material or maybe communicate with (33)_____ students it is necessary to have knowledge of English. It is necessary to learn English if you are (34)_____ to study at a foreign university or school. Usually many educational institutions will provide you a preparatory courses to (35)_____ your English language skills but you have to at least a medium level of knowledge

- | | | | |
|-------------------|----------------|----------------|---------------|
| 26. A. dominant | B. particular | C. regional | D. foreign |
| 27. A. device | B. information | C. literature | D. textbook |
| 28. A. specialist | B. writer | C. businessman | D. translator |
| 29. A. company | B. agency | C. market | D. workshop |
| 30. A. income | B. chance | C. source | D. vision |
| 31. A. however | B. though | C. but | D. because |
| 32. A. access | B. entry | C. permit | D. guidance |
| 33. A. most | B. enough | C. other | D. only |
| 34. A. planning | B. thinking | C. dreaming | D. looking |
| 35. A. widen | B. enforce | C. estimate | D. improve |

Read the passage, and choose the correct answer A, B, C or D for each question.

Today English is one of the most important languages and it is spoken and understood in all parts of the world.

English has become an international language for a variety of reasons. One of the most important of those is that the English people have been well-known for their knowledge of science, medicine, engineering, government and all other matters that useful for the progress of human race. It is thanks to the scientists of England that the motor-engine has become the most important machine in the world today.

The thirst for knowledge of the English scholars has contributed to the progress of man in almost all fields of his activity. Thousands of books have been written by such scholars on almost every subject that one can think of. Thus, people whose mother tongue is not English have learned English with great interest as a means of acquiring knowledge of all human affairs.

As a result of this interest, English is used almost everywhere in the world. It is used in all the important meetings and conferences in the United Nations. It is also used in all leading universities in the world and in international trade and commerce. As it is used so widely, English has indeed become a very rich language. People of all the countries of the world have contributed new ideas and thoughts to this language. Thus, more and more new words are being created to make this language more and more useful for the communication of ideas and information among the peoples of the world.

36. English is the most important language in the world because_____

- A. it is spoken and understood in all parts of the world.
- B. it is my favourite subject.
- C. it is used in meetings.
- D. it is used in all leading universities.

37. The motor-engine has become the most important machine in the world today thanks to_____

- A. the people all over the world.
- B. the scientists of England.
- C. the United Nations.
- D. the Americans.

38. Thousands of books_____

- A. have been sold by English scholars on almost every subject.
- B. were written in English.
- C. were read by English scholars.

D. have been written by English scholars on almost every subject that one can think of.

39. Because English is used so widely,_____

- A. it has become a very rich language.
- B. it has become a very interesting language.
- C. it has indeed become a very poor language.
- D. it has become a very useless language.

40. Why do people whose mother tongue is not English have learned English with great interest?

- A. Because it is a means of doing everything for all human affairs.
- B. Because it is an interesting language.
- C. Because it is a means of acquiring knowledge of all human affairs.
- D. Because it is a means of practising what people have achieved in their jobs.

④. WRITING

VII. Mark the letter A, B, C or D to indicate the sentence that is closest in meaning to each of the following questions.

41. The English teacher is excellent. You met him at the meeting yesterday. (Who)

- A. The English teacher **who/** that you met at the meeting yesterday excellent.
- B. The English teacher **who/** that you met at the meeting yesterday is excellent.
- C. The English teacher **who/** that you met at the meeting yesterday was excellent.
- D. The English teacher **who/** that you met at the meeting yesterday is being excellent.

42. She goes to an English speaking club every week. She speaks English fluently now.

- A. If she doesn't go to English speaking club every week, she couldn't speak English fluently.
- B. If she didn't go to English speaking club every week, she couldn't speak English fluently.
- C. If she didn't go to English speaking club every week, she could speak English fluently.
- D. If she goes to English speaking club every week, she couldn't speak English fluently.

43. I cant look the word up because I haven't got a dictionary.

- A. If I have a dictionary, I could look the word up.
- B. If I am having a dictionary, I could look the word up.
- C. If I had a dictionary, I could look the word up.
- D. If I had a dictionary, I can look the word up.

44. I am a lot worried about the English exam because my vocabulary is poor.

- A. If my vocabulary were richer, I wouldn't be worried about the English exam.
- B. If my vocabulary was richer, I wouldn't be worried about the English exam.
- C. If my vocabulary is richer, I wouldn't be worried about the English exam.
- D. If my vocabulary were richer, I would be worried about the English exam.

45. She can speak both Vietnamese and English perfectly. (bilingual)

- A. She is bilingual in Vietnamese and English.
- B. She is bilingual on Vietnamese and English.
- C. She is bilingual for Vietnamese and English.
- D. She is bilingual with Vietnamese and English.

Complete sentences using the words/ phrases given in their correct forms. You can add some more necessary.

46. English / play / important role / everyday life.

- A. English plays an important role in our everyday life.
- B. English plays an important role on our everyday life.
- C. English plays an important role for our everyday life.
- D. English plays an important role with our everyday life.

47. English / widely used / international communication / everyday work.

- A. English is widely used in international communication for everyday work.
- B. English is widely used on international communication for everyday work.
- C. English is widely used with international communication for everyday work.
- D. English is widely used for international communication for everyday work.

48. Students / want / go aboard / education / have to /learn / English well.

- A. Students who want to go aboard for education will have to be learn English well.
- B. Students who want to go aboard for education will have to learn English well.
- C. Students who want to go aboard for education will have to being learn English well.
- D. Students who want to go aboard for education will have to been learn English well.

49. It / language / science / and / you / need / know English / good / science.

- A. It is the language of science, and you need to know English to good at science.
- B. It is the language of science, and you need to know English to be good at science.
- C. It is the language of science, and you need to know English to being good at science.
- D. It is the language of science, and you need to know English to be to good at science.

50. English / main language / instruction / international students / universities / colleges.

- A. English is main language in instruction for international students in universities and colleges.

- B.** English is main language for instruction for international students in universities and colleges.
- C.** English is main language of instruction for international students in universities and colleges.
- D.** English is main language with instruction for international students in universities and colleges

Năm học: 2021 - 2022

I. Phạm vi kiến thức

Học sinh đọc lại kiến thức các bài sau:

- Bài 31. Hiện tượng cảm ứng điện từ
- Bài 32. Điều kiện xuất hiện dòng điện cảm ứng
- Bài 33. Dòng điện xoay chiều
- Bài 34. Máy phát điện xoay chiều
- Bài 36. Truyền tải điện năng đi xa
- Bài 37. Máy biến thế
- Bài 40. Hiện tượng khúc xạ ánh sáng
- Bài 41. Quan hệ giữa góc tới và góc khúc xạ
- Bài 42. Thấu kính hội tụ

II. Câu hỏi minh họa

A. Một số dạng bài tự luận

Câu 1: Nêu các tác dụng của dòng điện. Trong các tác dụng của dòng điện, tác dụng nào phụ thuộc vào chiều, tác dụng nào không phụ thuộc vào chiều dòng điện.

Câu 2: Người ta truyền tải một công suất điện 440000W bằng một đường dây dẫn có điện trở 50Ω . Hiệu điện thế giữa hai đầu dây tải điện là 220000V. Công suất hao phí trên đường dây truyền tải điện là bao nhiêu

Câu 3: Người ta truyền tải một công suất điện 100kW bằng một đường dây dẫn có điện trở R thì công suất hao phí trên đường dây truyền tải điện là 0,2kW. Hiệu điện thế giữa hai đầu dây tải điện là 35kV. Điện trở dây dẫn bằng

Câu 4: Một máy phát điện xoay chiều có một hiệu điện thế xoay chiều ở hai cực của máy là 220V. Muốn tải điện đi xa người ta phải tăng hiệu điện thế thành 15400V. Hỏi phải dùng loại máy biến thế với các cuộn dây có số vòng dây theo tỉ lệ như thế nào? Cuộn dây nào mắc với hai đầu máy phát điện?

Câu 5: Một máy biến thế gồm cuộn sơ cấp có 1000 vòng, cuộn thứ cấp có 10000 vòng đặt ở đầu một đường dây tải điện để truyền đi một công suất điện là 11 000 kW. Biết hiệu điện thế hai đầu cuộn thứ cấp là 110kV.

a. Tính hiệu điện thế đặt vào 2 đầu cuộn sơ cấp.

b. Cho điện trở cầu toàn bộ đường dây là 50Ω . Tính công suất hao phí do tỏa nhiệt trên đường dây.

Câu 6: Một vật sáng AB có dạng mũi tên cao 6cm đặt vuông góc trục chính của thấu kính hội tụ, cách thấu kính 15cm. Thấu kính có tiêu cự 10 cm.

- a/ Dựng ảnh của vật qua thấu kính
- b/ Xác định kích thước và vị trí của ảnh

Câu 7: Một vật sáng AB có dạng mũi tên cao 6cm đặt vuông góc trục chính của thấu kính hội tụ, cách thấu kính 10cm. Thấu kính có tiêu cự 15 cm.

- a/ Dựng ảnh của vật qua thấu kính
- b/ Xác định kích thước và vị trí của ảnh

B. Một số câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Cách làm nào dưới đây có thể tạo ra dòng điện cảm ứng?

- A. Nối hai cực của pin vào hai đầu cuộn dây dẫn.
- B. Nối hai cực của nam châm với hai đầu cuộn dây dẫn.
- C. Đưa một cực của acquy từ ngoài vào trong một cuộn dây dẫn kín.
- D. Đưa một cực của nam châm từ ngoài vào trong một cuộn dây dẫn kín

Câu 2: Cách nào dưới đây không tạo ra dòng điện cảm ứng trong một cuộn dây dẫn kín?

- A. Cho cuộn dây dẫn chuyển động theo phương song song với các đường sức từ giữa hai nhánh của nam châm chữ U.
- B. Cho cuộn dây dẫn quay cắt các đường sức từ của nam châm chữ U.
- C. Cho một đầu của nam châm điện chuyển động lại gần một đầu cuộn dây dẫn.
- D. Đặt nam châm điện ở trước đầu cuộn dây rồi ngắt mạch điện của nam châm

Câu 3: Làm cách nào để tạo ra được dòng điện cảm ứng trong đinamô xe đạp?

- A. Nối hai đầu của đinamô với hai cực của acquy.
- B. Cho bánh xe cọ xát mạnh vào núm đinamô.
- C. Làm cho nam châm trong đinamô quay trước cuộn dây.
- D. Cho xe đạp chạy nhanh trên đường.

Câu 4: Trong hiện tượng cảm ứng điện từ ta nhận biết được điều gì?

- A. Dòng điện xuất hiện trong cuộn dây dẫn đặt gần nam châm?
- B. Dòng điện xuất hiện trong cuộn dây đặt trong từ trường của nam châm.
- C. Dòng điện xuất hiện khi một cuộn dây dẫn kín quay trong từ trường của nam châm.
- D. Dòng điện xuất hiện trong cuộn dây khi cuộn dây chạm vào nam châm.

Câu 5: Cách nào dưới đây có thể tạo ra dòng điện cảm ứng trong một cuộn dây dẫn kín?

- A. Mắc xen vào cuộn dây dẫn một chiếc pin.
- B. Dùng một nam châm mạnh đặt gần đầu cuộn dây.
- C. Cho một cực của nam châm chạm vào cuộn dây dẫn.
- D. Đưa một cực của thanh nam châm từ ngoài vào trong cuộn dây.

Câu 6: Cuộn sơ cấp của máy biến thế có 100 vòng, cuộn thứ cấp 2000 vòng, khi đặt vào hai đầu cuộn sơ cấp một hiệu điện thế xoay chiều U thì ở hai đầu cuộn thứ cấp có hiệu điện thế 220V. Hiệu điện thế U bằng bao nhiêu?

- A. 20V
- B. 22V
- C. 11V
- D. 24V

Câu 7: Người ta truyền tải một công suất điện 100kW bằng một đường dây dẫn có điện trở 5Ω thì công suất hao phí trên đường dây truyền tải điện là 0,5kW. Hiệu điện thế giữa hai đầu dây tải điện là bao nhiêu?

- A. 5kV
- B. 10kV
- C. 15kV
- D. 20kV

Câu 8: Cuộn sơ cấp của máy biến thế cso 200 vòng, cuộn thứ cấp 4000 vòng, khi đặt vào hai đầu cuộn sơ cấp một hiệu điện thế xoay chiều 12V thì ở hai đầu cuộn thứ cấp có hiệu điện thế là bao nhiêu?

- A. 120V
- B. 240V
- C. 380V
- D. 220V

Câu 9: Khi có dòng điện một chiều, không đổi chạy trong cuộn dây sơ cấp của một máy biến thế thì trong cuộn thứ cấp đã nối thành mạch kín

- A. có dòng điện một chiều không đổi.
- B. có dòng điện một chiều biến đổi.
- C. có dòng điện xoay chiều.
- D. không có dòng điện nào cả.

Câu 10: Cuộn sơ cấp của máy biến thế có 200 vòng, cuộn thứ cấp 50 vòng, khi đặt vào hai đầu cuộn sơ cấp một hiệu điện thế xoay chiều 12V thì ở hai đầu cuộn thứ cấp có hiệu điện thế là bao nhiêu?

- A. 9V
- B. 4,5V
- C. 3V
- D. 1,5V

Câu 11: Hiện tượng khúc xạ ánh sáng là hiện tượng tia sáng tới khi gặp mặt phân cách giữa hai môi trường

- A. bị hắt trở lại môi trường cũ.
- B. tiếp tục đi vào môi trường trong suốt thứ hai.
- C. tiếp tục đi thẳng vào môi trường trong suốt thứ hai.
- D. bị gãy khúc tại mặt phân cách giữa hai môi trường và tiếp tục đi vào môi trường trong suốt thứ hai.

Câu 12: Pháp tuyến là đường thẳng

- A. tạo với tia tới một góc vuông tại điểm tới.
- B. tạo với mặt phân cách giữa hai môi trường một góc vuông tại điểm tới.
- C. tạo với mặt phân cách giữa hai môi trường một góc nhọn tại điểm tới.
- D. song song với mặt phân cách giữa hai môi trường.

Câu 13: Khi nói về hiện tượng khúc xạ ánh sáng, nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Góc khúc xạ bao giờ cũng nhỏ hơn góc tới.
- B. Góc khúc xạ bao giờ cũng lớn hơn góc tới.
- C. Góc khúc xạ bao giờ cũng bằng góc tới.
- D. Tùy từng môi trường tới và môi trường khúc xạ mà góc tới hay góc khúc xạ sẽ lớn hơn.

Câu 14: Khi tia sáng đi từ không khí tới mặt phân cách giữa không khí và nước thì

- A. chỉ có thể xảy ra hiện tượng khúc xạ ánh sáng.
- B. chỉ có thể xảy ra hiện tượng phản xạ ánh sáng.
- C. có thể đồng thời xảy ra cả hiện tượng khúc xạ lẫn hiện tượng phản xạ ánh sáng.
- D. không thể đồng thời xảy ra cả hiện tượng khúc xạ lẫn hiện tượng phản xạ ánh sáng.

Câu 15: Trong hiện tượng khúc xạ ánh sáng, góc khúc xạ (r) là góc tạo bởi

- A. tia khúc xạ và pháp tuyến tại điểm tới.
- B. tia khúc xạ và tia tới.
- C. tia khúc xạ và mặt phân cách.
- D. tia khúc xạ và điểm tới.

Câu 16: Trong hiện tượng khúc xạ ánh sáng, góc tới (i) là góc tạo bởi:

- A. tia tới và pháp tuyến tại điểm tới.

- B. tia tới và tia khúc xạ.
- C. tia tới và mặt phân cách.
- D. tia tới và điểm tới.

Câu 17: Điều nào sau đây là *sai* khi nói về hiện tượng khúc xạ ánh sáng?

- A. Tia khúc xạ và tia tới cùng nằm trong mặt phẳng tới.
- B. Góc tới tăng dần, góc khúc xạ cũng tăng dần.
- C. Nếu tia sáng đi từ môi trường nước sang môi trường không khí thì góc khúc xạ lớn hơn góc tới.
- D. Góc tới tăng dần, góc khúc xạ sẽ giảm dần.

Câu 18: Dòng điện xoay chiều KHÔNG có tác dụng gì?

- A. Tác dụng hóa học.
- B. Tác dụng quang.
- C. Tác dụng từ.
- D. Tác dụng sinh lí

Câu 19: Để làm giảm hao phí trên đường dây truyền tải điện, trong thực tế người ta thường dùng cách nào?

- A. Giảm điện trở của dây dẫn.
- B. Giảm công suất của nguồn điện.
- C. Tăng hiệu điện thế hai đầu dây dẫn điện.
- D. Tăng tiết diện của dây dẫn.

Câu 20: Máy biến thế không hoạt động được với hiệu điện thế (nguồn điện) nào?

- A. Hiệu điện thế một chiều.
- B. Hiệu điện thế nhỏ.
- C. Hiệu điện thế lớn.
- D. Hiệu điện thế xoay chiều.

I. Phạm vi kiến thức

1. Lý thuyết:

- Chủ đề: Cacbon và các hợp chất của cacbon.
- Chương 4: Hidrocacbon. Nhiên liệu.

2. Dạng bài:

- Câu hỏi tự luận: Viết PTHH, xác định công thức phân tử của hidrocacbon chưa biết và dự đoán tính chất, câu hỏi liên quan đến thực tiễn cuộc sống.
- Câu hỏi trắc nghiệm: Nhận biết chất khí, tính theo PTHH (dạng cơ bản, xác định thành phần phân tử theo khối lượng của nguyên tố trong hợp chất, xác định công thức phân tử của hidrocacbon).

II. Câu hỏi minh họa

Một số câu hỏi tự luận:

Câu 1. Viết phương trình hóa học xảy ra giữa các chất sau:

- a) $C_3H_8 + Cl_2$ c) $CH_2=CH-CH_2-CH_3 + Br_2$ e) $CH_3-C\equiv C-CH_3 + Br_2$
b) $C_4H_{10} + Cl_2$ d) $CH_3-CH=CH_2 + Br_2$ f) $CH\equiv C-CH_2 + Br_2$

Câu 2. Khi phân tích một hidrocacbon X thấy có 8,4 gam Cacbon và 2,1 gam Hidro.

- a) Xác định công thức phân tử của X biết phân tử khối của X là 30.
b) Dự đoán tính chất hóa học của hợp chất X.

Câu 3. Khi phân tích một hidrocacbon Y thấy có 7,2 gam Cacbon và 1,2 gam Hidro.

- a) Xác định công thức phân tử của Y biết phân tử khối của Y là 70.
b) Dự đoán tính chất hóa học của hợp chất Y.

Câu 4. Khi phân tích một hidrocacbon Z thấy có 4,8 gam Cacbon và 0,6 gam Hidro.

- a) Xác định công thức phân tử của Z biết phân tử khối của Z là 54.
b) Dự đoán tính chất hóa học của hợp chất Z.

Câu 5. Dầu mỏ và khí thiên nhiên là những nguồn năng lượng có vai trò quan trọng đối với nền kinh tế và đời sống của con người nhưng chúng đang dần cạn kiệt. Hãy chỉ ra một nguồn năng lượng mới thay thế trong tương lai và nêu ít nhất 3 ưu điểm của nguồn năng lượng đó.

(Biết $C = 12$; $H = 1$)

Một số câu hỏi trắc nghiệm:

Chủ đề: Cacbon và các hợp chất của cacbon.

Câu 1. Muối nào sau đây được dùng làm dược phẩm chữa bệnh đau dạ dày?

- A. $CaCO_3$. B. $NaHCO_3$. C. $NaCl$. D. Na_2CO_3 .

Câu 2. Có thể dùng thuốc thử nào sau đây để phân biệt khí CO_2 và CO ?

- A. dd $NaCl$. B. dd $CuSO_4$. C. dd HCl . D. dd $Ca(OH)_2$.

Câu 3. Cacbon phản ứng được với các oxit nào sau đây?

- A. CuO , Al_2O_3 , PbO . B. MgO , PbO , FeO . C. Fe_2O_3 , PbO , CuO . D. BaO , FeO , Na_2O .

Câu 4. Khí nào trong các khí sau dùng để khử oxit sắt trong lò luyện gang?

- A. H₂. B. CO. C. O₂. D. CO₂.

Chương 4: Hidrocacbon. Nhiên liệu.

Câu 1. Trong phân tử etilen giữa hai nguyên tử cacbon có:

- A. một liên kết đơn. B. một liên kết đôi. C. một liên kết ba. D. hai liên kết đôi.

Câu 2. Có các bình khí riêng biệt, không nhãn, chứa một trong các khí sau: C₂H₂, CH₄, CO₂. Có thể dùng các thuốc thử nào sau đây để phân biệt các bình khí trên?

- A. dd brom, nước vôi trong. B. Quì tím, dd brom.
C. dd NaOH, quì tím. D. dd NaOH, phenolphtalein.

Câu 3. Đốt cháy một hợp chất hữu cơ X thu được hơi nước và khí cacbonic, khí nito. Trong X chứa các nguyên tố nào?

- A. C, H, O. B. C, H, N. C. C, H, S. D. C, H, P.

Câu 4. Trong phân tử hợp chất hữu cơ cacbon, hidro, oxi có hóa trị lần lượt là:

- A. II, I, II. B. IV, I, II. C. VI, I, II. D. IV, II, II.

Câu 5. Các tính chất vật lí cơ bản của etilen là:

- A. Chất khí, không màu, mùi hắc, tan nhiều trong nước.
B. Chất khí, không màu, không mùi, nhẹ hơn không khí, tan ít trong nước.
C. Chất khí, không màu, không mùi, nặng hơn không khí, tan ít trong nước.
D. Chất lỏng, không màu, mùi thơm, tan nhiều trong nước.

Câu 6. Để được hỗn hợp nổ mạnh, tỉ lệ thể tích của khí metan và khí oxi là:

- A. 2 thể tích khí metan và 1 thể tích khí oxi. B. 1 thể tích khí metan và 3 thể tích khí oxi.
C. 1 thể tích khí metan và 2 thể tích khí oxi. D. 3 thể tích khí metan và 2 thể tích oxi.

Câu 7. Theo thành phần nguyên tố, hợp chất hữu cơ được chia thành:

- A. hidrocacbon và các hợp chất chứa oxi, nito.
B. hidrocacbon và các chất không phải hidrocacbon.
C. hidrocacbon và dẫn xuất hidrocacbon.
D. hidrocacbon và các hợp chất chứa oxi.

Câu 8. Dãy các hợp chất nào sau đây là hợp chất hữu cơ?

- A. C₂H₆, CH₃Cl, C₂H₅OH. B. CH₄, C₂H₂, CO.
C. C₂H₂, C₂H₆O, CaCO₃. D. CH₄, C₂H₆, CO₂.

Câu 9. Số liên kết đơn trong phân tử C₄H₁₀ là:

- A. 13. B. 14. C. 10. D. 12.

Câu 10. Nguyên tố hóa học nào sau đây luôn có trong phân tử hợp chất hữu cơ?

- A. Oxi. B. Hidro. C. Nito. D. Cacbon.

Câu 11. Dãy các chất nào sau đây đều là dẫn xuất của hidrocacbon?

- A. C₂H₆O, C₃H₈, C₂H₂. B. C₂H₄, C₃H₇Cl, CH₄.
C. C₂H₆O, CH₄, C₂H₂. D. C₂H₆O, C₃H₇Cl, C₂H₅Cl.

Câu 12. Phương trình hóa học biểu diễn đúng phản ứng giữa metan và clo là:

- A. CH₄ + Cl₂ $\xrightarrow{a/s}$ CH₂ + 2HCl. B. CH₄ + Cl₂ $\xrightarrow{a/s}$ CH₂Cl₂ + H₂.
C. 2CH₄ + Cl₂ $\xrightarrow{a/s}$ 2CH₃Cl + H₂. D. CH₄ + Cl₂ $\xrightarrow{a/s}$ CH₃Cl + HCl.

Câu 13. Một hidrocarbon ở thể khí thường được dùng làm nhiên liệu để hàn cắt kim loại, đó là:

- A. C_2H_4 . B. C_2H_2 . C. CH_4 . D. C_2H_6 .

Câu 14. Hỗn hợp khí X gồm CO_2 , C_2H_2 , C_2H_4 , CH_4 . Dẫn hỗn hợp X lần lượt qua bình 1 chứa dung dịch nước vôi trong dư, sau đó qua bình 2 chứa dung dịch brom dư, thu được khí A là:

- A. C_2H_2 . B. C_2H_4 . C. CO_2 . D. CH_4 .

Câu 15. Axetilen có công thức cấu tạo thu gọn là:

- A. $CH_3 - CH_3$ B. $CH_2=CH_2$ C. $CH\equiv CH$ D. CH_4

Câu 16. Chất nào sau đây làm mất màu dung dịch brom và tham gia phản ứng trùng hợp?

- A. $CH_2=CH-CH_3$. B. CH_3-Cl . C. CH_3-CH_2-OH . D. CH_3-CH_3 .

Câu 17. Khí axetilen **không** có tính chất hóa học nào sau đây?

- A. Phản ứng cộng với dung dịch brom. B. Phản ứng cháy với oxi.
C. Phản ứng cộng với hiđro. D. Phản ứng thế với clo ngoài ánh sáng.

Câu 18. Ứng dụng nào sau đây **không** phải là của etilen?

- A. Dùng để ủ trái cây mau chín. B. Điều chế rượu etylic và axit axetic.
C. Điều chế khí ga. D. Điều chế P.E.

Câu 19. Trong phân tử metan có:

- A. 4 liên kết đơn C – H.
B. 1 liên kết đôi C = H và 3 liên kết đơn C – H.
C. 2 liên kết đơn C – H và 2 liên kết đôi C = H.
D. 1 liên kết đơn C – H và 3 liên kết đôi C = H.

Câu 20. Dẫn khí metan và khí clo vào ống nghiệm đặt ngoài ánh sáng. Sau đó đưa mảnh giấy quì tím ẩm vào ống nghiệm. Hiện tượng quan sát được là:

- A. Quì tím chuyển thành màu xanh. B. Quì tím bị mất màu.
C. Quì tím chuyển thành màu đỏ. D. Quì tím không đổi màu.

Câu 21. Trong điều kiện nhiệt độ áp suất không đổi thì axetilen phản ứng với oxi theo tỉ lệ thể tích là:

- A. 2 lít khí C_2H_2 phản ứng với 4 lít khí O_2 . B. 2 lít khí C_2H_2 phản ứng với 5 lít khí O_2 .
C. 3 lít khí C_2H_2 phản ứng với 2 lít khí O_2 . D. 3 lít khí C_2H_2 phản ứng với 1 lít khí O_2 .

Câu 22. Cho các chất sau: $CH_2=CH-CH_3$; $CH\equiv CH$; CH_3-CH_3 ; $CH_3-CH_2-CH_3$; $CH\equiv C-CH_3$. Số chất làm mất màu dung dịch brom là:

- A. 3. B. 5. C. 2. D. 4.

Câu 23. Dẫn 0,1 mol khí axetilen qua dung dịch nước brom dư. Khối lượng brom tham gia phản ứng là bao nhiêu? (**Biết C = 12; H = 1, Br = 80**)

- A. 16 g. B. 32 g. C. 8 g. D. 4 g.

Câu 24. Cho các chất sau: CH_4 , CH_3Cl , CH_2Cl_2 , $CHCl_3$. Phần trăm khối lượng của cacbon trong hợp chất nào lớn nhất? (**Biết C = 12; H = 1**)

- A. CH_4 . B. CH_3Cl . C. CH_2Cl_2 . D. $CHCl_3$.

Câu 25. Thể tích khí oxi (đktc) cần dùng để đốt cháy 5,6 gam khí etilen là bao nhiêu?

(**Biết C = 12; H = 1**)

- A. 13,44 lít. B. 4,48 lít. C. 14,87 lít. D. 4,96 lít.

I. Phạm vi kiến thức:

Bài 9: Thực hành món hấp (gà hấp cải bẹ xanh, ốc hấp lá gừng, xôi vò)

Bài 10: Thực hành món rán (nem rán)

II. Câu hỏi minh họa

A. Một số câu hỏi tự luận:

Câu 1. Trình bày nguyên tắc chung của món hấp. Kể tên 5 món hấp mà em biết?

Câu 2. Em hãy nêu quy trình thực hiện món đậu phụ nhồi thịt rán sốt cà chua.

Câu 3. Trình bày yêu cầu kỹ thuật của món rán

Câu 4. Em hãy nêu quy trình thực hiện món xôi vò

B. Một số câu hỏi trắc nghiệm:

Câu 1: Trong quy trình chế biến món rán có mấy gia đoạn?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 2: Nguyên liệu KHÔNG có trong món nem rán là gì?

- A. Khoai môn
- B. Thịt nạc
- C. Thịt gà
- D. Mộc nhĩ

Câu 3: Trong quy trình chế biến món đậu phụ nhồi thịt rán sốt cà chua, khi rán đậu cần chú ý điều gì?

- A. Rán đậu chín vàng, thật giòn
- B. Rán đậu sao cho một mặt trắng, một mặt vàng
- C. Rán vàng hai mặt, thịt bên trong không cần chín
- D. Rán vàng hai mặt, chín thịt bên trong

Câu 4: Khi rán nem cần cho dầu như thế nào để nem rán được giòn lâu?

- A. Khi rán cho dầu ngập nem, trong quá trình rán thì vặn lửa vừa

- B. Khi rán cho ít dầu, rán trong lửa nhỏ
- C. Khi rán cho ngập dầu, trong quá trình rán thì vặn lửa to
- D. Khi rán cho ít dầu, rán trong lửa to

Câu 5: Trong các món sau, đâu là món rán?

- A. Đậu nhồi thịt rán sốt cà chua
- B. Gỏi ngó sen
- C. Xôi vò
- D. Nộm bò khô đu đủ

Câu 6: Yêu cầu kỹ thuật nào dưới đây KHÔNG phải là của món rán?

- A. Thực phẩm chín mềm, ráo, không có nước hoặc rất ít nước
- B. Hương vị thơm ngon, vừa ăn
- C. Màu vàng nâu, không cháy xém
- D. Thực phẩm giòn, xốp, ráo mỡ và chín đều

Câu 7: Các món rán KHÔNG ăn kèm với

- A. nước lèo
- B. rau sống
- C. nước chấm
- D. giá đỗ

Câu 8: Nguyên liệu nào KHÔNG có trong món đậu phụ nhồi thịt rán sốt cà chua?

- A. Bún
- B. Thịt nạc
- C. Bắp cải
- D. Hạt tiêu

Câu 9: Miến là một trong những nguyên liệu dùng trong món ăn nào?

- A. Xôi vò
- B. Ốc hấp lá gừng
- C. Nem rán
- D. Chả cốm

Câu 10: Nguyên liệu nào dưới đây KHÔNG có trong món xôi vò?

- A. Muối
- B. Gạo nếp
- C. Dừa nạo vụn
- D. Thịt lợn

Câu 11: Khi làm món hấp cần đảm bảo mấy yêu cầu?

- A. 2
- B. 3
- C. 4
- D. 5

Câu 12: Trong món xôi vò, nguyên liệu đậu xanh cần được sơ chế như thế nào?

- A. Ngâm nước, đãi sạch, nấu chín với nước giã dừa và chút muối
- B. Chỉ cần ngâm nước
- C. Giã nhỏ hoặc xay nhuyễn, cho vào nấu chín với nước
- D. Cho vào nấu chín với nước, muối

Câu 13: Xôi vò có thể ăn cùng với

- A. thịt lợn luộc
- B. chả lụa hoặc chả quế
- C. thịt bò xào
- D. rau sống

Câu 14: Trong bước chế biến món ốc hấp lá gừng, khi cho ốc vào song nước, nấu sôi khoảng bao nhiêu lâu?

- A. 5 phút
- B. 10 phút
- C. 30 phút
- D. 45 phút

Câu 15: Khi chế biến món xôi vò, sau khi khuấy tan đường, nước cốt dừa, rưới vào xôi thì để khoảng bao nhiêu lâu để cho ngấm?

- A. 5 phút
- B. 30 phút
- C. 1 giờ

D. 2 giờ

Câu 16: Nguyên liệu nào KHÔNG có trong món ốc hấp lá gừng?

A. Ốc

B. Tiêu

C. Lá gừng

D. Thịt bò

Câu 17: Cách làm nào dưới đây là đúng khi nhồi nhân vào vỏ và đi hấp khi chế biến món ốc hấp lá gừng?

A. Đặt 1 lá gừng ngang miệng vỏ, cho viên nhân vào, xếp ốc vào nồi, hấp khoảng 15 phút

B. Đặt 1 lá gừng ngang miệng vỏ, xếp ốc vào nồi, cho viên nhân vào, hấp khoảng 15 phút

C. Đặt 1 lá gừng ngang miệng vỏ, hấp khoảng 15 phút, xếp ốc vào nồi, cho viên nhân vào.

D. Xếp ốc vào nồi, cho viên nhân vào, hấp khoảng 15 phút, đặt 1 lá gừng ngang miệng vỏ.

Câu 18: Khi chế biến món xôi vò, chúng ta cần ngâm gạo trong bao lâu?

A. 1 tiếng

B. 2 tiếng

C. 3 tiếng

D. 4 tiếng

Câu 19: Thao tác: “trái bánh đa lên mâm, cho nhân vào, gấp mép 2 bên lại, sau đó cuộn tròn” được dùng khi chế biến của món ăn nào?

A. Ốc hấp lá gừng

B. Xôi vò

C. Nem rán

D. Gà ủ muối tiêu

Câu 20: Chọn từ thích hợp điền vào chỗ chấm.là làm chín nguyên liệu trong một lượng chất béo khá nhiều, đun bằng lửa vừa trong một khoảng thời gian vừa đủ làm chín thực phẩm theo yêu cầu.

A. Rán

B. Xào

C. Hấp

D. Rang

I. Phạm vi ôn tập:

1. Lý thuyết: ôn tập các chương

- Ứng dụng di truyền học
- Sinh vật và môi trường.

2. Dạng bài

- Câu hỏi tự luận: nhận biết và liên hệ thực tế
- Câu hỏi trắc nghiệm

II. Câu hỏi minh họa

A. Một số câu hỏi tự luận

Câu 1: Dựa trên khả năng thích nghi với điều kiện chiếu sáng của môi trường, các nhóm sinh vật trên trái đất được phân chia như thế nào? Cho ví dụ minh họa.

Câu 2: Dựa trên khả năng thích nghi với điều kiện độ ẩm của môi trường, các nhóm sinh vật trên trái đất được phân chia như thế nào? Cho ví dụ minh họa.

Câu 3: Một loài lan rừng có giá trị kinh tế đang có nguy cơ tuyệt chủng. Người ta dùng phương pháp gì để bảo tồn nguồn gen quý này và có số lượng lớn cây mới? Cơ sở khoa học của phương pháp đó là gì?

Câu 4: Một số bà con nông dân cho rằng: “Tự thụ phấn và giao phối gần chỉ gây hậu quả xấu chứ không có vai trò gì trong sản xuất và chọn giống”. Theo em nhận định đó đúng hay sai? Giải thích.

B. Một số câu hỏi trắc nghiệm

Câu 1: Trong chọn giống cây trồng, người ta **không** dùng phương pháp tự thụ phấn vào mục đích nào sau đây?

- A.** Duy trì một số tính trạng mong muốn.
- B.** Tạo giống thuần chủng.
- C.** Tạo biến dị tổ hợp.
- D.** Tạo các dòng thuần chủng để lai khác dòng.

Câu 2: Khi lai 2 dòng thuần, ưu thế lai biểu hiện rõ nhất ở F₁ vì hầu hết các cặp gen ở cơ thể lai F₁ đều ở trạng thái

- A.** dị hợp.
- B.** đồng hợp trội.
- C.** đồng hợp lặn.
- D.** đồng hợp trội và đồng hợp lặn.

Câu 3: Không dùng con lai kinh tế để làm giống vì

- A.** đồng hóa quá mạnh tiêu tốn nhiều thức ăn.
- B.** chưa mang tính chất điều hành về giống.
- C.** con lai có tính di truyền không ổn định.
- D.** tiềm năng ảnh hưởng nhiều dị tật bẩm sinh.

Câu 4: Giao phối cận huyết là

- A. giao phối giữa các cá thể có kiểu gen khác nhau.
- B. lai giữa các loài thực vật có cùng kiểu gen hoặc giao phối các loài động vật khác kiểu gen.
- C. giao phối giữa các cá thể khác bố mẹ.
- D. giao phối giữa các cá thể có cùng bố mẹ hoặc giao phối giữa con cái với bố hoặc mẹ chúng.

Câu 5: Cho các khẳng định sau về nhân tố ánh sáng

- (a) Ánh sáng là nhân tố chịu sự chi phối của hầu hết các nhân tố khác.
- (b) Ánh sáng quyết định đến sự thích nghi của thực vật lẫn động vật.
- (c) Tôm kiếm ăn lúc trời vừa sập tối, hầu hết các loài cá kiếm ăn lúc trời gần sáng.
- (d) Một số loài cây rũ lá vào ban đêm.

Số khẳng định đúng là:

- A. 1 B. 2 C. 3 D. 4

Câu 6: Các loại môi trường chủ yếu của sinh vật là gì?

- A. Đất, nước, trên mặt đất - không khí và sinh vật. B. Đất, trên mặt đất - không khí.
- C. Đất, nước và sinh vật. D. Đất, nước, trên mặt đất- không khí.

Câu 7: Khi có gió bão, thực vật sống thành nhóm có lợi gì so với sống riêng rẽ?

- A. Làm tăng thêm sức thổi của gió.
- B. Làm tăng thêm sự xói mòn của đất.
- C. Làm cho tốc độ gió thổi dừng lại, cây không bị đổ.
- D. Giảm bớt sức thổi của gió, hạn chế sự đổ của cây.

Câu 8: Động vật nào dưới đây thuộc nhóm động vật ưa khô?

- A. Hà mã B. Cá sấu, cá heo C. Thằn lằn D. Éch, muỗi

Câu 9: Trong công nghệ gen, người ta thường sử dụng vi khuẩn E.coli và nấm men làm tế bào nhận vì chúng có ưu điểm

- A. có khả năng lên men cao. B. kích thước cơ thể nhỏ.
- C. dễ nuôi cấy, khả năng sinh sản cao. D. thích nghi với mọi loại môi trường.

Câu 10: Tự thụ phấn là hiện tượng thụ phấn xảy ra giữa

- A. hoa đực và hoa cái của các cây khác nhau nhưng mang kiểu gen giống nhau.
- B. hoa đực và hoa cái của các cây khác nhau và mang kiểu gen khác nhau.
- C. hoa đực và hoa cái của các cây khác nhau.

D. hoa đực và hoa cái trên cùng một cây.

Câu 11: Trong công nghệ tế bào, người ta dùng tác nhân nào để kích thích mô sẹo phân hóa thành cơ quan hoặc cơ thể hoàn chỉnh?

A. Tia tử ngoại. **B.** Hoocmôn sinh trưởng. **C.** Tia X. **D.** Xung điện.

Câu 12: Hình thức lai kinh tế phổ biến nhất nước ta hiện nay là cho giao phối giữa

- A.** con cái thuộc giống trong nước, con đực cao sản thuộc giống thuần nhập nội để tạo con lai F1.
- B.** con đực thuộc giống trong nước, con cái cao sản thuộc giống thuần nhập nội để tạo con lai F1.
- C.** con đực và con cái đều thuộc giống trong nước để tạo con lai F1.
- D.** con đực và con cái đều là cao sản thuộc giống thuần nhập nội để tạo con lai F1.

Câu 13: Ở nhiệt độ quá cao (cao hơn 40°C) hay quá thấp (0°C) các hoạt động sống của hầu hết các loại cây xanh diễn ra như thế nào?

- A.** Các hạt diệp lục được hình thành nhiều.
- B.** Quang hợp tăng - hô hấp tăng.
- C.** Quang hợp giảm - hô hấp tăng.
- D.** Quang hợp giảm thiểu và ngưng trệ, hô hấp ngưng trệ.

Câu 14: Muốn duy trì ưu thế lai trong trồng trọt phải dùng phương pháp nào?

- A.** Cho con lai F1 lai hữu tính với nhau.
- B.** Lai kinh tế giữa 2 dòng thuần khác nhau.
- C.** Cho F1 lai với bố mẹ.
- D.** Nhân giống vô tính bằng giâm, chiết, ghép...

Câu 15: Giun đũa sống trong môi trường nào dưới đây?

- A.** Môi trường trong đất.
- B.** Môi trường trên cạn.
- C.** Môi trường nước.
- D.** Môi trường sinh vật.

Câu 16: Ví dụ dưới đây biểu hiện quan hệ cạnh tranh là

- A.** sự tranh ăn cỏ của các con bò trên đồng cỏ.
- B.** cáo đuổi bắt gà.
- C.** tảo và nấm sống với nhau tạo thành địa y.
- D.** vi khuẩn sống trong nốt sần rễ cây họ đậu

Câu 17: Để có đủ cây trồng trong một thời gian ngắn đáp ứng yêu cầu sản xuất, người ta tách bộ phận nào của cây để nuôi cấy trên môi trường dinh dưỡng đặt trong ống nghiệm?

- A.** Tế bào rễ.
- B.** Mô.
- C.** Mô sẹo và tế bào rễ.
- D.** Mô phân sinh.

Câu 18: Môi quan hệ kí sinh và môi quan hệ sinh vật này ăn sinh vật khác giống nhau ở đặc điểm

- A.** đều là môi quan hệ đối địch giữa hai loài.

- B. loài bị hại có kích thước cơ thể lớn hơn loài có lợi.
- C. loài bị hại luôn có số lượng cá thể nhiều hơn loài có lợi.
- D. đều làm chết các cá thể loài bị hại.

Câu 19: Yếu tố nào dưới đây là nhân tố sinh thái hữu sinh?

- A. Ánh sáng, nhiệt độ, độ ẩm
- B. Con người và các sinh vật khác
- C. Chế độ khí hậu, nước, ánh sáng
- D. Các sinh vật khác và ánh sáng

Câu 20: Nhóm các loài sinh vật hằng nhiệt là

- A. vi sinh vật, nấm, thực vật, động vật không xương.
- B. cá, lưỡng cư, bò sát, chim, thú, con người.
- C. chim, thú, con người.
- D. động vật, thực vật, con người.

Câu 21: Loài sinh vật có tập tính di cư tránh lạnh là

- A. Vịt trời
- B. Hải sâm
- C. Đại bàng
- D. Gấu

Câu 22: Ưu thế lai biểu hiện rõ nhất khi thực hiện phép lai giữa

- A. các cá thể được sinh ra từ một cặp bố mẹ.
- B. các cá thể khác loài.
- C. các dòng thuần có kiểu gen khác nhau.
- D. hoa đực và hoa cái trên cùng một cây.

Câu 23: Ngày nay, nhờ kĩ thuật giữ tinh đông lạnh, thụ tinh nhân tạo và kĩ thuật kích thích nhiều trứng rụng một lúc để thụ tinh, việc tạo con lai kinh tế có nhiều thuận lợi đối với các vật nuôi nào sau đây?

- A. Bò và vịt.
- B. Bò và lợn.
- C. Gà và lợn.
- D. Vịt và cá.

Câu 24: Nguyên nhân của hiện tượng thoái hóa giống ở động vật là do

- A. lai giữa các dòng thuần có kiểu gen khác nhau.
- B. giao phối gần.
- C. lai phân tích.
- D. giao phối xảy ra ngẫu nhiên giữa các loài động vật.

Câu 25: Nhiều loài sâu bọ ngừng sinh sản khi điều kiện chiếu sáng trong ngày không thích hợp, hiện tượng này được gọi là

- A. khổng chế sinh học.
- B. cân bằng sinh học.
- C. ức chế
- D. đình sản.

Câu 26: Các cành phía dưới của cây trong rừng bị rụng sớm được gọi là

- A. tự tỉa cành.
- B. cạnh tranh cùng loài.

C. cạnh tranh khác loài.

D. đấu tranh trực tiếp.

Câu 27: Nếu ánh sáng tác động vào cây xanh từ một phía nhất định, sau một thời gian cây mọc như thế nào?

A. Cây vẫn mọc thẳng.

B. Cây luôn quay về phía mặt trời.

C. Ngọn cây sẽ mọc cong về phía có nguồn sáng.

D. Ngọn cây rũ xuống.

Câu 28: Đặc điểm cấu tạo của động vật vùng lạnh có ý nghĩa giúp chúng giữ nhiệt cho cơ thể chống rét là

A. có chi dài hơn.

B. cơ thể có lông dày và dài hơn (thú có lông).

C. chân có móng rộng.

D. đệm thịt dưới chân dày.

Câu 29: Giữa các cá thể cùng loài, sống trong cùng một khu vực có các mối quan hệ là

A. quan hệ cạnh tranh và quan hệ đối địch.

B. quan hệ hỗ trợ và quan hệ cạnh tranh.

C. quan hệ hỗ trợ và quan hệ đối địch.

D. quan hệ cạnh tranh và quan hệ ức chế.

Câu 30: Hiện tượng các cá thể tách ra khỏi nhóm dẫn đến kết quả

A. làm tăng khả năng cạnh tranh giữa các cá thể.

B. làm cho nguồn thức ăn cạn kiệt nhanh chóng.

C. hạn chế sự cạnh tranh giữa các cá thể.

D. tạo điều kiện cho các cá thể hỗ trợ nhau tìm mồi có hiệu quả hơn.

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

Lịch sử Việt Nam từ năm 1919 đến cách mạng tháng Tám năm 1945.

- Những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 – 1925.
- Cách mạng Việt Nam trước khi Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.
- Đảng Cộng sản Việt Nam ra đời.
- Cách mạng Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam: các cao trào cách mạng và cuộc Tổng khởi nghĩa tháng Tám năm 1945.

II. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Lập bảng thống kê những hoạt động chính của Nguyễn Ái Quốc ở nước ngoài trong những năm 1919 – 1925. Nêu ý nghĩa của những hoạt động đó.

Câu 2:

- Trình bày sự ra đời của Đảng Cộng sản Việt Nam.
- Đánh giá vai trò của Nguyễn Ái Quốc đối với sự thành công của Hội nghị thành lập Đảng.

Câu 3: Nêu ý nghĩa lịch sử của việc thành lập Đảng.

Câu 4: Đường lối lãnh đạo của Đảng và hình thức đấu tranh trong giai đoạn 1936 – 1939 có gì khác so với giai đoạn 1930 – 1931?

Câu 5: Nêu ý nghĩa lịch sử và nguyên nhân thắng lợi của cách mạng tháng Tám năm 1945.

I. NỘI DUNG ÔN TẬP

1. Học sinh ôn tập kiến thức các bài: 28,29,31,32,33.
2. Nội dung chính:
 - Vùng Tây Nguyên.
 - Vùng Đông Nam Bộ.

II. CẤU TRÚC ĐỀ THI

- Trắc nghiệm: 70%
- Tự luận: 30%

III. HỆ THỐNG CÂU HỎI ÔN TẬP

Câu 1: Trình bày những thế mạnh về tự nhiên để phát triển cây công nghiệp lâu năm ở Tây Nguyên. Để Tây Nguyên thực sự là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của cả nước vùng cần phải giải quyết những vấn đề gì?

Câu 2: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học, hãy trình bày thuận lợi, khó khăn với việc phát triển cây cà phê ở Tây Nguyên.

Câu 3: Chứng minh du lịch là thế mạnh của vùng Tây Nguyên.

Câu 4: Giải thích vì sao Đông Nam Bộ có sức thu hút mạnh mẽ đối với lao động cả nước.

Câu 5: Dựa vào Atlas Địa lí Việt Nam và kiến thức đã học. Cho biết:

- a. Nhờ những điều kiện thuận lợi nào mà Đông Nam Bộ trở thành vùng sản xuất cây công nghiệp lớn của cả nước?
- b. Sự phân bố các cây công nghiệp lâu năm chủ yếu của vùng Đông Nam Bộ?

Câu 6: Căn cứ vào Atlas Địa lí Việt Nam trang 29, xác định vị trí địa lí, giới hạn lãnh thổ và ý nghĩa vị trí địa lí của vùng Đông Nam Bộ.

TRƯỜNG THCS THANH AM
Năm học 2021- 2022

NỘI DUNG ÔN TẬP GIỮA HỌC KÌ II MÔN GDCD LỚP 9

A/ HỆ THỐNG BÀI HỌC

1. Quyền và nghĩa vụ của công dân trong hôn nhân.
2. Quyền tự do kinh doanh và nghĩa vụ đóng thuế.
3. Quyền và nghĩa vụ lao động của công dân.
4. Vi phạm pháp luật và trách nhiệm pháp lí của công dân.

B/ BÀI TẬP:

- 1/Bài tập sau mỗi bài học trong sách giáo khoa.
- 2/Tạo được tình huống, giải quyết được một số tình huống có liên quan đến từng chủ đề.
- 3/Tìm và giải thích được một số tục ngữ, thành ngữ, ca dao, danh ngôn,...liên quan đến từng chủ đề.
- 4/Liên hệ bản thân ...

C. MỘT SỐ CÂU HỎI CỤ THỂ

Câu 1: Thuế là gì? Kể tên một số hoạt động kinh doanh mà em biết?

Câu 2: Lao động là gì? Quy định của pháp luật về sử dụng lao động trẻ em? Bản thân em đã thể hiện quyền và nghĩa vụ lao động như thế nào?

Câu 3: Hôn nhân là gì? Những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân ở Việt Nam hiện nay? Quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân trong hôn nhân?

Câu 4: Thế nào là vi phạm pháp luật? Nêu tên các loại vi phạm pháp luật?

Câu 5: Bài tập tình huống

a.Tình huống 1: Bạn M 17 tuổi, do hoàn cảnh gia đình quá khó khăn nên M xin vào làm việc tại công ti khai thác than. Được ông An - giám đốc công ti thông cảm nhận vào làm việc và đã bố trí cho em xuống hầm lò khai thác than.

- a. Việc làm của ông giám đốc có đúng không ? Vì sao ?
- b. Em có lời khuyên nào cho M? Nếu em là M em sẽ làm gì?

b.Tình huống 2:

Học hết trung học phổ thông, Lan đang ở nhà chờ xin việc thì gặp và yêu Tuấn, đã tốt nghiệp THPT trước đó hai năm và cũng đang không có việc làm. Khi hai người xin cha mẹ cho kết hôn thì hai bên đều khuyên Lan và Tuấn hãy thư thả, bao giờ có việc làm thì hãy xây dựng gia đình nhưng Lan và Tuấn không đồng ý, cứ thúc ép cha mẹ. Cuối cùng, hai gia đình đành chấp thuận cho Lan và Tuấn kết hôn.

- a. Theo em, ý kiến của gia đình Lan và Tuấn đúng hay sai? Vì sao?
- b. Nếu em là bạn của Lan và Tuấn em có lời khuyên gì đối với họ

TRƯỜNG THCS THANH AM

Năm học 2021 - 2022

ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP GIỮA KÌ II

Môn: Thể dục 9

I. Nội dung ôn tập

Nhảy cao

II. Yêu cầu.

Học sinh thực hiện được một số động tác bổ trợ và phát triển sức mạnh chân:

- Đá lăng trước
- Đá lăng ngang
- Đá lăng sau

Học sinh biết cách thực hiện kỹ thuật nhảy cao kiểu bước qua.

TRƯỜNG THCS THANH AM

Năm học 2021 - 2022

ĐỀ CƯƠNG ÔN GIỮA KÌ II

Môn: Âm nhạc 9

I. Ôn tập bài hát

- Bài hát *Bóng dáng một ngôi trường.*
- Bài hát: *Nụ cười.*

II. Ôn tập: tập đọc nhạc

- TĐN số 1.
- TĐN số 2.

Phó Hiệu trưởng
(Đã kí)

Lê Thị Ngọc Anh